

TỔNG CÔNG TY ĐÔNG BẮC
CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Số: 2805/QĐ-CTCP397

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mạo Khê, ngày 30 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng SCTX thiết bị Caterpillar (CAT) phục vụ
sản xuất 6 tháng đầu năm 2026 (GT06) thuộc kế hoạch mua vật tư, phụ tùng
SCTX thiết bị Caterpillar (CAT) phục vụ sản xuất 6 tháng đầu năm 2026

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Căn cứ Quyết định số 5926/QĐ-BQP ngày 29/12/2017 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV 397 thành Công ty cổ phần;

Căn cứ Quy định số 1313/QyĐ-CTCP397 ngày 01/7/2024 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 về việc lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hoá, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng nguồn vốn kinh doanh của Công ty cổ phần 397;

Căn cứ Quyết định số 2229/QĐ-CTCP397 ngày 01/11/2024 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quy định số 1313/QyĐ-CTCP397 ngày 01/7/2024;

Căn cứ Quyết định số 2768/QĐ-CTCP397 ngày 26/12/2025 của Giám đốc Công ty Cổ phần 397 “Về việc phê duyệt kế hoạch Mua vật tư, phụ tùng SCTX thiết bị Caterpillar (CAT) phục vụ sản xuất 6 tháng đầu năm 2026”;

Căn cứ Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng SCTX thiết bị Caterpillar (CAT) phục vụ sản xuất 6 tháng đầu năm 2026 (GT06) thuộc kế hoạch Mua vật tư, phụ tùng SCTX thiết bị Caterpillar (CAT) phục vụ sản xuất 6 tháng đầu năm 2026 do phòng Cơ điện vận tải lập ngày 27/12/2025;

Căn cứ Tờ trình ngày 29/12/2025 của Phòng CĐVT về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng SCTX thiết bị Caterpillar (CAT) phục vụ sản xuất 6 tháng đầu năm 2026 (GT06) thuộc kế hoạch Mua vật tư, phụ tùng SCTX thiết bị Caterpillar (CAT) phục vụ sản xuất 6 tháng đầu năm 2026;

Căn cứ Báo cáo thẩm định ngày 29/12/2025 của Tổ thẩm định dự toán và KHLCNT về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng SCTX thiết bị Caterpillar (CAT) phục vụ sản xuất 6 tháng đầu năm 2026 (GT06) thuộc kế hoạch Mua vật tư, phụ tùng SCTX thiết bị Caterpillar (CAT) phục vụ sản xuất 6 tháng đầu năm 2026.

Theo đề nghị của đồng chí Trưởng phòng Cơ điện vận tải Công ty.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng SCTX thiết bị Caterpillar (CAT) phục vụ sản xuất 6 tháng đầu năm 2026 (GT06) thuộc kế hoạch Mua vật tư, phụ tùng SCTX thiết bị Caterpillar (CAT) phục vụ sản xuất 6 tháng đầu năm 2026, với nội dung cụ thể như sau:

1. Dự toán:

- Tên hạng mục công việc: Mua vật tư, phụ tùng SCTX thiết bị Caterpillar (CAT) phục vụ sản xuất 6 tháng đầu năm 2026.

- Tên đơn vị chủ quản: Công ty cổ phần 397; Địa chỉ: Khu Yên Lãng 1, Phường Mạo Khê, Tỉnh Quảng Ninh.

- Giá trị dự toán: **8.400.351.640 đồng.**

(Bằng chữ: Tám tỷ, bốn trăm triệu, ba trăm năm mươi một nghìn, sáu trăm bốn mươi đồng) (Đã bao gồm thuế VAT).

- Đơn vị lập dự toán: Phòng Cơ điện vận tải

- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công cổ phần 397.

2. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

- Tên gói thầu: Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng SCTX thiết bị Caterpillar (CAT) phục vụ sản xuất 6 tháng đầu năm 2026 (GT06).

- Giá trị gói thầu: **8.400.351.640 đồng.**

(Bằng chữ: Tám tỷ, bốn trăm triệu, ba trăm năm mươi một nghìn, sáu trăm bốn mươi đồng) (Đã bao gồm thuế VAT).

- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công cổ phần 397.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ

- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 30 ngày

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Tháng 01 năm 2026

- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định

- Thời gian thực hiện gói thầu: 159 ngày.

- Tùy chọn mua thêm: Không

- Giám sát đấu thầu: Không

Điều 2. Giao Tổ chuyên gia, tổ thẩm định và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Chủ tịch HĐQT (b/c);
- PGĐ Huyền (c/đ);
- Như điều 3 (t/h);
- Lưu: VT, CĐVT. K04.



Kiều Văn Sinh

Phụ lục

BẢNG KHỐI LƯỢNG DỰ TOÁN CHI TIẾT

(Kèm theo Quyết định phê duyệt số 2.805./QĐ-CTCP397 ngày 30./12./2025 của Công ty cổ phần 397)

| STT | Nội dung hàng hoá | ĐVT | Số lượng | Đơn Giá | Thành Tiền | Thuế xuất | Tiền thuế | Năm SX |
|-----|---|------|----------|-----------|------------|-----------|-----------|-----------|
| 1 | Ca ngoài vòng bi bị động 030-0060 | Cái | 2 | 1.714.000 | 3.428.000 | 8 | 274.240 | 2023-2026 |
| 2 | Gioăng 030-4605 | Cái | 5 | 55.000 | 275.000 | 8 | 22.000 | 2023-2026 |
| 3 | Gioăng tròn 030-4606 | Cái | 5 | 136.000 | 680.000 | 8 | 54.400 | 2023-2026 |
| 4 | Gioăng 033-5853 214-7566 | Cái | 5 | 170.000 | 850.000 | 8 | 68.000 | 2023-2026 |
| 5 | Gioăng tròn 238-5081 033-6027 238-5081 | Cái | 7 | 251.000 | 1.757.000 | 8 | 140.560 | 2023-2026 |
| 6 | Gioăng đầu ống nhiên liệu 033-6033 | Cái | 12 | 177.000 | 2.124.000 | 8 | 169.920 | 2023-2026 |
| 7 | Gioăng giắc điện kim phun 033-6034 330-8197 | Cái | 20 | 291.000 | 5.820.000 | 8 | 465.600 | 2023-2026 |
| 8 | Gioăng 033-6039 228-7089 | Cái | 10 | 188.000 | 1.880.000 | 8 | 150.400 | 2023-2026 |
| 9 | Gioăng ống lót vòi phun 061-8561 346-4897 | Cái | 12 | 508.000 | 6.096.000 | 8 | 487.680 | 2023-2026 |
| 10 | Gioăng 103-8236 373-9231 | Cái | 10 | 284.000 | 2.840.000 | 8 | 227.200 | 2023-2026 |
| 11 | Vòng bi 106-7799 | Vòng | 2 | 3.089.000 | 6.178.000 | 8 | 494.240 | 2023-2026 |
| 12 | Phin lọc gió trong ca bin 107-0266 | Cái | 10 | 638.000 | 6.380.000 | 8 | 510.400 | 2023-2026 |
| 13 | Gioăng ống lót vòi phun 107-9570 | Cái | 12 | 162.000 | 1.944.000 | 8 | 155.520 | 2023-2026 |
| 14 | Gioăng phần mặt máy 108-5803 238-5079 | Cái | 12 | 160.000 | 1.920.000 | 8 | 153.600 | 2023-2026 |
| 15 | Gioăng phần mặt máy 108-5806 238-5086 | Cái | 12 | 472.000 | 5.664.000 | 8 | 453.120 | 2023-2026 |
| 16 | Gioăng 109-0072 | Cái | 10 | 317.000 | 3.170.000 | 8 | 253.600 | 2023-2026 |
| 17 | Gioăng 109-0073 | Cái | 10 | 338.000 | 3.380.000 | 8 | 270.400 | 2023-2026 |
| 18 | Gioăng 109-0074 | Cái | 10 | 506.000 | 5.060.000 | 8 | 404.800 | 2023-2026 |
| 19 | Gioăng 109-0075 | Cái | 10 | 461.000 | 4.610.000 | 8 | 368.800 | 2023-2026 |
| 20 | Gioăng 109-0076 | Cái | 10 | 379.000 | 3.790.000 | 8 | 303.200 | 2023-2026 |
| 21 | Gioăng tròn 109-0077 | Cái | 10 | 524.000 | 5.240.000 | 8 | 419.200 | 2023-2026 |
| 22 | Gioăng 109-0078 | Cái | 10 | 284.000 | 2.840.000 | 8 | 227.200 | 2023-2026 |
| 23 | Gioăng 109-3206 214-7567 | Cái | 10 | 178.000 | 1.780.000 | 8 | 142.400 | 2023-2026 |
| 24 | Gioăng 109-9685 238-5078 | Cái | 10 | 154.000 | 1.540.000 | 8 | 123.200 | 2023-2026 |
| 25 | Xéc măng máy nén khí 110-1337 | Bộ | 2 | 3.572.000 | 7.144.000 | 8 | 571.520 | 2023-2026 |
| 26 | Gioăng xi lanh 110-2220 | Cái | 12 | 550.000 | 6.600.000 | 8 | 528.000 | 2023-2026 |

| | | | | | | | | |
|----|---|-----|----|------------|------------|---|-----------|-----------|
| 27 | Bánh răng bơm số 111-0329 | Cái | 1 | 33.982.000 | 33.982.000 | 8 | 2.718.560 | 2023-2026 |
| 28 | Gioăng 112-1574 | Cái | 5 | 336.000 | 1.680.000 | 8 | 134.400 | 2023-2026 |
| 29 | Gioăng tròn 112-1579 112-1579 467-2620 | Cái | 5 | 739.000 | 3.695.000 | 8 | 295.600 | 2023-2026 |
| 30 | Gioăng tròn 112-1580 | Cái | 5 | 523.000 | 2.615.000 | 8 | 209.200 | 2023-2026 |
| 31 | Gioăng 112-5282 | Cái | 5 | 100.000 | 500.000 | 8 | 40.000 | 2023-2026 |
| 32 | Gioăng 114-2687 | Cái | 10 | 207.000 | 2.070.000 | 8 | 165.600 | 2023-2026 |
| 33 | Gioăng đường khí 114-4427 | Cái | 10 | 109.000 | 1.090.000 | 8 | 87.200 | 2023-2026 |
| 34 | Gioăng cầu dầu mặt máy 116-7220 | Cái | 20 | 385.000 | 7.700.000 | 8 | 616.000 | 2023-2026 |
| 35 | Gioăng cầu dầu đầu vòi phun 116-7221 | Cái | 20 | 281.000 | 5.620.000 | 8 | 449.600 | 2023-2026 |
| 36 | Gioăng cầu dầu mặt máy 116-7222 | Cái | 20 | 202.000 | 4.040.000 | 8 | 323.200 | 2023-2026 |
| 37 | Trục bánh răng trung gian buồng trước 117-9712 | Cái | 1 | 18.853.000 | 18.853.000 | 8 | 1.508.240 | 2023-2026 |
| 38 | Gioăng 118-5068 | Cái | 10 | 105.000 | 1.050.000 | 8 | 84.000 | 2023-2026 |
| 39 | Gioăng 118-7214 | Cái | 10 | 209.000 | 2.090.000 | 8 | 167.200 | 2023-2026 |
| 40 | Dây điện vào van điện từ bơm ép 121-0596 | Cái | 6 | 1.481.000 | 8.886.000 | 8 | 710.880 | 2023-2026 |
| 41 | Xu páp xả 122-0321 | Cái | 24 | 2.366.000 | 56.784.000 | 8 | 4.542.720 | 2023-2026 |
| 42 | Xu páp hút 122-0322 | Cái | 24 | 2.486.000 | 59.664.000 | 8 | 4.773.120 | 2023-2026 |
| 43 | Gioăng phanh 123-7268 | Cái | 10 | 836.000 | 8.360.000 | 8 | 668.800 | 2023-2026 |
| 44 | Gioăng phanh 123-7271 | Cái | 10 | 972.000 | 9.720.000 | 8 | 777.600 | 2023-2026 |
| 45 | Gioăng bầu phanh 123-7272 | Cái | 10 | 993.000 | 9.930.000 | 8 | 794.400 | 2023-2026 |
| 46 | Gioăng phanh 124-3520 | Cái | 10 | 779.000 | 7.790.000 | 8 | 623.200 | 2023-2026 |
| 47 | Lò xo căng puly cánh quạt 125-5071 | Cái | 3 | 6.645.000 | 19.935.000 | 8 | 1.594.800 | 2023-2026 |
| 48 | Gioăng băng trước 125-9794 259-4598 | Cái | 5 | 1.058.000 | 5.290.000 | 8 | 423.200 | 2023-2026 |
| 49 | Phin lọc dầu lái 126-1813 | Cái | 15 | 1.045.000 | 15.675.000 | 8 | 1.254.000 | 2023-2026 |
| 50 | Gioăng 126-2702 | Cái | 10 | 450.000 | 4.500.000 | 8 | 360.000 | 2023-2026 |
| 51 | Gioăng máy nén khí 129-3948 | Cái | 5 | 677.000 | 3.385.000 | 8 | 270.800 | 2023-2026 |
| 52 | Vòng bi hộp số 129-8391 616-8181 | Bộ | 1 | 62.699.000 | 62.699.000 | 8 | 5.015.920 | 2023-2026 |
| 53 | Gioăng cổ xả 129-9452 | Cái | 10 | 233.000 | 2.330.000 | 8 | 186.400 | 2023-2026 |
| 54 | Phin lọc dầu phanh 130-3212 | Cái | 20 | 1.302.000 | 26.040.000 | 8 | 2.083.200 | 2023-2026 |
| 55 | Bạc bánh răng trước 131-7123 | Cái | 3 | 1.721.000 | 5.163.000 | 8 | 413.040 | 2023-2026 |
| 56 | Gioăng 133-1705 | Cái | 5 | 556.000 | 2.780.000 | 8 | 222.400 | 2023-2026 |
| 57 | Phin lọc tách nước nhiên liệu 133-5673 513-4490 | Cái | 15 | 933.000 | 13.995.000 | 8 | 1.119.600 | 2023-2026 |
| 58 | Bộ gioăng phốt bơm ép 138-6256 | Bộ | 1 | 6.547.000 | 6.547.000 | 8 | 523.760 | 2023-2026 |

| | | | | | | | | |
|----|--|-----|----|------------|------------|---|-----------|-----------|
| 59 | Bộ gioăng van rơ le phanh 142-3439 | Cái | 5 | 4.090.000 | 20.450.000 | 8 | 1.636.000 | 2023-2026 |
| 60 | Phốt đầu trục cơ 142-5867 | Cái | 1 | 4.446.000 | 4.446.000 | 8 | 355.680 | 2023-2026 |
| 61 | Phốt sau trục cơ 142-5868 | Cái | 1 | 4.446.000 | 4.446.000 | 8 | 355.680 | 2023-2026 |
| 62 | Gioăng xi lanh 142-7072 | Cái | 12 | 308.000 | 3.696.000 | 8 | 295.680 | 2023-2026 |
| 63 | Phin lọc dầu lái 144-0832 | Cái | 10 | 2.167.000 | 21.670.000 | 8 | 1.733.600 | 2023-2026 |
| 64 | Mô tơ gạt mưa 147-7975 | Cái | 2 | 10.356.000 | 20.712.000 | 8 | 1.656.960 | 2023-2026 |
| 65 | Gioăng tròn 152-2938 152-2938 228-7091 | Cái | 10 | 219.000 | 2.190.000 | 8 | 175.200 | 2023-2026 |
| 66 | Bánh răng lai bơm ép 155-6637 | Cái | 2 | 8.317.000 | 16.634.000 | 8 | 1.330.720 | 2023-2026 |
| 67 | Van chia hơi phanh 159-5149 | Cái | 2 | 7.839.000 | 15.678.000 | 8 | 1.254.240 | 2023-2026 |
| 68 | Đệm bắng sau 161-7293 | Cái | 2 | 5.123.000 | 10.246.000 | 8 | 819.680 | 2023-2026 |
| 69 | Cảm biến áp suất vào tăng áp 161-9926 | Cái | 2 | 9.759.000 | 19.518.000 | 8 | 1.561.440 | 2023-2026 |
| 70 | Bạc bộ lai bơm ép 162-0150 | Cái | 2 | 751.000 | 1.502.000 | 8 | 120.160 | 2023-2026 |
| 71 | Bạc bộ lai bơm ép 162-0151 | Cái | 2 | 869.000 | 1.738.000 | 8 | 139.040 | 2023-2026 |
| 72 | Bạc bộ lai bơm ép 162-0152 | Cái | 2 | 3.005.000 | 6.010.000 | 8 | 480.800 | 2023-2026 |
| 73 | Đệm bắng trước 166-9145 | Cái | 2 | 1.273.000 | 2.546.000 | 8 | 203.680 | 2023-2026 |
| 74 | Cảm biến áp lực tác động phun 167-1709 | Cái | 2 | 9.759.000 | 19.518.000 | 8 | 1.561.440 | 2023-2026 |
| 75 | Giảm chấn động cơ 167-8130 | Cái | 1 | 60.899.000 | 60.899.000 | 8 | 4.871.920 | 2023-2026 |
| 76 | Cảm biến báo dòng nước 171-8708 | Cái | 2 | 8.192.000 | 16.384.000 | 8 | 1.310.720 | 2023-2026 |
| 77 | Van phanh trước 172-6232 | Cái | 1 | 27.655.000 | 27.655.000 | 8 | 2.212.400 | 2023-2026 |
| 78 | Bi chữ thập các đăng 173-0888 | Cái | 5 | 4.894.000 | 24.470.000 | 8 | 1.957.600 | 2023-2026 |
| 79 | Mô tơ quạt điều hòa 174-1489 453-2441 | Cái | 2 | 13.271.000 | 26.542.000 | 8 | 2.123.360 | 2023-2026 |
| 80 | Gioăng ống hút 176-0267 | Cái | 5 | 1.677.000 | 8.385.000 | 8 | 670.800 | 2023-2026 |
| 81 | Ca trong vòng bi bị động 177-7886 | Cái | 3 | 3.731.000 | 11.193.000 | 8 | 895.440 | 2023-2026 |
| 82 | Dây điện kim phun 179-7087 | Cái | 12 | 2.855.000 | 34.260.000 | 8 | 2.740.800 | 2023-2026 |
| 83 | Gioăng bộ lai bơm ép 180-6646 | Cái | 5 | 234.000 | 1.170.000 | 8 | 93.600 | 2023-2026 |
| 84 | Vòng bi dầu trục+ cuối trục 185-2655 | Cái | 3 | 7.811.000 | 23.433.000 | 8 | 1.874.640 | 2023-2026 |
| 85 | Bộ gioăng phốt biển mô 188-2888 | Bộ | 1 | 20.494.000 | 20.494.000 | 8 | 1.639.520 | 2023-2026 |
| 86 | Phin lọc tách nước khí nén 190-0760 | Cái | 5 | 8.753.000 | 43.765.000 | 8 | 3.501.200 | 2023-2026 |
| 87 | Vành răng truyền lực biển mô 192-0876 | Cái | 1 | 36.075.000 | 36.075.000 | 8 | 2.886.000 | 2023-2026 |
| 88 | Piston động cơ 192-2209 | Cái | 3 | 15.610.000 | 46.830.000 | 8 | 3.746.400 | 2023-2026 |
| 89 | Xéc măng khí 192-8807 | Cái | 12 | 1.831.000 | 21.972.000 | 8 | 1.757.760 | 2023-2026 |
| 90 | Gioăng bắng trước 193-9155 | Cái | 3 | 475.000 | 1.425.000 | 8 | 114.000 | 2023-2026 |

| | | | | | | | | |
|-----|---|------|-----|------------|------------|---|-----------|-----------|
| 91 | Cảm biến áp suất nhiên liệu 194-6725 | Cái | 2 | 9.759.000 | 19.518.000 | g | 1.561.440 | 2023-2026 |
| 92 | Xi lanh 197-9322 | Cái | 3 | 8.955.000 | 26.865.000 | g | 2.149.200 | 2023-2026 |
| 93 | Gioăng 198-6068 | Cái | 12 | 432.000 | 5.184.000 | g | 414.720 | 2023-2026 |
| 94 | Vòng bi trục bánh răng tốc độ 1B-3867 | Vòng | 5 | 1.059.000 | 5.295.000 | g | 423.600 | 2023-2026 |
| 95 | Phin lọc hộp số biển mô 1G-8878 | Cái | 24 | 1.016.000 | 24.384.000 | g | 1.950.720 | 2023-2026 |
| 96 | Gioăng giảm sóc 1H-8278 | Cái | 20 | 170.000 | 3.400.000 | g | 272.000 | 2023-2026 |
| 97 | Bạc bơm biển mô 1M-3909 587-2890 | Cái | 5 | 750.000 | 3.750.000 | g | 300.000 | 2023-2026 |
| 98 | Xéc măng 1M-4169 | Cái | 5 | 723.000 | 3.615.000 | g | 289.200 | 2023-2026 |
| 99 | Gioăng 1P-3705 | Cái | 10 | 135.000 | 1.350.000 | g | 108.000 | 2023-2026 |
| 100 | Gioăng áp lực cao 1P-3707 | Cái | 20 | 157.000 | 3.140.000 | g | 251.200 | 2023-2026 |
| 101 | Gioăng 1P-3709 | Cái | 10 | 180.000 | 1.800.000 | g | 144.000 | 2023-2026 |
| 102 | Ca trong vòng bi chủ động 1P-3935 | Cái | 2 | 5.882.000 | 11.764.000 | g | 941.120 | 2023-2026 |
| 103 | Ca bi 1P-6872 | Cái | 3 | 863.000 | 2.589.000 | g | 207.120 | 2023-2026 |
| 104 | Phin lọc tinh nhiên liệu 1R-0749 | Cái | 20 | 371.000 | 7.420.000 | g | 593.600 | 2023-2026 |
| 105 | Phin lọc tinh nhiên liệu 1R-0762 | Cái | 30 | 565.000 | 16.950.000 | g | 1.356.000 | 2023-2026 |
| 106 | Phin lọc dầu động cơ 1R-1808 | Cái | 120 | 463.000 | 55.560.000 | g | 4.444.800 | 2023-2026 |
| 107 | Gioăng phốt 1S-6478 | Cái | 2 | 1.693.000 | 3.386.000 | g | 270.880 | 2023-2026 |
| 108 | Xéc măng 1S-9496 | Cái | 2 | 1.383.000 | 2.766.000 | g | 221.280 | 2023-2026 |
| 109 | Xéc măng 1S-9497 | Cái | 2 | 1.140.000 | 2.280.000 | g | 182.400 | 2023-2026 |
| 110 | Gioăng piston côn 1S-9498 | Cái | 2 | 1.256.000 | 2.512.000 | g | 200.960 | 2023-2026 |
| 111 | Gioăng bích 1T-0132 | Cái | 5 | 304.000 | 1.520.000 | g | 121.600 | 2023-2026 |
| 112 | Gioăng cao su 1T-0136 | Cái | 5 | 235.000 | 1.175.000 | g | 94.000 | 2023-2026 |
| 113 | Cần 1T-1011 | Cái | 5 | 79.000 | 395.000 | g | 31.600 | 2023-2026 |
| 114 | Cần 1T-1012 | Cái | 5 | 68.000 | 340.000 | g | 27.200 | 2023-2026 |
| 115 | Bạc 1T-1353 | Cái | 3 | 1.446.000 | 4.338.000 | g | 347.040 | 2023-2026 |
| 116 | Đế xu páp xà 1W-5283 | Cái | 12 | 1.003.000 | 12.036.000 | g | 962.880 | 2023-2026 |
| 117 | Van phanh chân 204-4270 | Cái | 1 | 13.176.000 | 13.176.000 | g | 1.054.080 | 2023-2026 |
| 118 | Gioăng piston chia dầu phanh sau 205-0567 | Bộ | 2 | 2.910.000 | 5.820.000 | g | 465.600 | 2023-2026 |
| 119 | Giảm sóc ghé lái 212-7779 | Cái | 2 | 11.393.000 | 22.786.000 | g | 1.822.880 | 2023-2026 |
| 120 | Xéc măng dầu 213-7454 | Cái | 12 | 1.831.000 | 21.972.000 | g | 1.757.760 | 2023-2026 |
| 121 | Cuộn điện 218-9898 | Cái | 2 | 3.956.000 | 7.912.000 | g | 632.960 | 2023-2026 |
| 122 | Van nạp khí 222-2367 | Cái | 3 | 3.087.000 | 9.261.000 | g | 740.880 | 2023-2026 |

| | | | | | | | | |
|-----|--|------|----|------------|-------------|---|------------|-----------|
| 123 | Gioăng nắp máy 230-0940 | Cái | 3 | 1.625.000 | 4.875.000 | 8 | 390.000 | 2023-2026 |
| 124 | Công tắc nâng hạ ben 231-3869 | Cái | 2 | 18.089.000 | 36.178.000 | 8 | 2.894.240 | 2023-2026 |
| 125 | Kim phun điện tử 232-1171 | Cái | 12 | 36.076.000 | 432.912.000 | 8 | 34.632.960 | 2023-2026 |
| 126 | Gioăng 234-8937 | Cái | 5 | 515.000 | 2.575.000 | 8 | 206.000 | 2023-2026 |
| 127 | Phốt đầu tăng tốc 235-2484 | Cái | 3 | 3.424.000 | 10.272.000 | 8 | 821.760 | 2023-2026 |
| 128 | Gioăng cảm biến 238-5080 | Cái | 5 | 223.000 | 1.115.000 | 8 | 89.200 | 2023-2026 |
| 129 | Gioăng tròn 238-5082 | Cái | 5 | 310.000 | 1.550.000 | 8 | 124.000 | 2023-2026 |
| 130 | Van hằng nhiệt 248-5513 | Cái | 5 | 2.512.000 | 12.560.000 | 8 | 1.004.800 | 2023-2026 |
| 131 | Cảm biến tốc độ đầu ra hộp số 258-4521 | Cái | 3 | 11.379.000 | 34.137.000 | 8 | 2.730.960 | 2023-2026 |
| 132 | Cảm biến thời điểm nổ (129-6628) 265-9033 522-1641 | Cái | 2 | 10.461.000 | 20.922.000 | 8 | 1.673.760 | 2023-2026 |
| 133 | Cảm biến chân ga 266-1466 | Cái | 1 | 7.343.000 | 7.343.000 | 8 | 587.440 | 2023-2026 |
| 134 | Van định áp 282-1915 | Cái | 2 | 2.258.000 | 4.516.000 | 8 | 361.280 | 2023-2026 |
| 135 | Bộ gioăng phốt hộp số 282-6655 | Bộ | 1 | 39.366.000 | 39.366.000 | 8 | 3.149.280 | 2023-2026 |
| 136 | Phốt 289-2937 | Cái | 5 | 1.377.000 | 6.885.000 | 8 | 550.800 | 2023-2026 |
| 137 | Phốt 289-2948 | Cái | 5 | 1.016.000 | 5.080.000 | 8 | 406.400 | 2023-2026 |
| 138 | Bộ gioăng phốt xi lanh lái 294-9583 | Bộ | 5 | 3.421.000 | 17.105.000 | 8 | 1.368.400 | 2023-2026 |
| 139 | Gioăng phốt giảm sóc trước 297-6847 | Bộ | 5 | 18.661.000 | 93.305.000 | 8 | 7.464.400 | 2023-2026 |
| 140 | Gioăng phốt giảm sóc sau 297-6848 | Bộ | 5 | 7.585.000 | 37.925.000 | 8 | 3.034.000 | 2023-2026 |
| 141 | Đệm bằng sau 2A-1162 | Cái | 10 | 85.000 | 850.000 | 8 | 68.000 | 2023-2026 |
| 142 | Gioăng bia 2A-3398 | Cái | 10 | 179.000 | 1.790.000 | 8 | 143.200 | 2023-2026 |
| 143 | Gioăng tròn 2D-6392 | Cái | 10 | 36.000 | 360.000 | 8 | 28.800 | 2023-2026 |
| 144 | Gioăng đường ống 2D-8009 | Cái | 10 | 244.000 | 2.440.000 | 8 | 195.200 | 2023-2026 |
| 145 | Vòng bi 2D-9457 | Vòng | 2 | 7.851.000 | 15.702.000 | 8 | 1.256.160 | 2023-2026 |
| 146 | Gioăng đầu đề 2F-6678 | Cái | 5 | 329.000 | 1.645.000 | 8 | 131.600 | 2023-2026 |
| 147 | Măng xéc bầu phanh 2G-1203 | Cái | 1 | 5.356.000 | 5.356.000 | 8 | 428.480 | 2023-2026 |
| 148 | Gioăng 2H-3927 | Cái | 10 | 151.000 | 1.510.000 | 8 | 120.800 | 2023-2026 |
| 149 | Gioăng cao su 2H-3932 | Cái | 10 | 85.000 | 850.000 | 8 | 68.000 | 2023-2026 |
| 150 | Gioăng cụm chia dầu phanh sau 2H-4145 175-7898 | Cái | 5 | 216.000 | 1.080.000 | 8 | 86.400 | 2023-2026 |
| 151 | Gioăng giảm sóc 2H-5001 | Cái | 10 | 44.000 | 440.000 | 8 | 35.200 | 2023-2026 |
| 152 | Gioăng 2H-6338 | Cái | 10 | 201.000 | 2.010.000 | 8 | 160.800 | 2023-2026 |
| 153 | Gioăng tròn 2M-0340 | Cái | 5 | 291.000 | 1.455.000 | 8 | 116.400 | 2023-2026 |
| 154 | Gioăng 2M-1395 | Cái | 5 | 97.000 | 485.000 | 8 | 38.800 | 2023-2026 |

| | | | | | | | | |
|-----|---|------|----|------------|------------|---|-----------|-----------|
| 155 | Gioăng mặt bích 2M-3818 | Cái | 3 | 484.000 | 1.452.000 | 8 | 116.160 | 2023-2026 |
| 156 | Gioăng bằng sau 2M-5446 | Cái | 5 | 88.000 | 440.000 | 8 | 35.200 | 2023-2026 |
| 157 | Vòng bi 2M-5685 | Vòng | 2 | 848.000 | 1.696.000 | 8 | 135.680 | 2023-2026 |
| 158 | Gioăng 2P-4305 | Cái | 5 | 118.000 | 590.000 | 8 | 47.200 | 2023-2026 |
| 159 | Vòng bi côn trục BR lai bơm ben lái 2P-8987 | Vòng | 3 | 2.311.000 | 6.933.000 | 8 | 554.640 | 2023-2026 |
| 160 | Vòng bi 2S-0669 | Vòng | 3 | 445.000 | 1.335.000 | 8 | 106.800 | 2023-2026 |
| 161 | Trục bánh răng 2S-4899 | Cái | 3 | 3.785.000 | 11.355.000 | 8 | 908.400 | 2023-2026 |
| 162 | gioăng 2S-6151 | Cái | 5 | 85.000 | 425.000 | 8 | 34.000 | 2023-2026 |
| 163 | Bin điện (hộp số, biển mô) 302-3809 | Cái | 2 | 10.885.000 | 21.770.000 | 8 | 1.741.600 | 2023-2026 |
| 164 | Gioăng ca xoa bé 773E 314-4120 | Bộ | 5 | 11.025.000 | 55.125.000 | 8 | 4.410.000 | 2023-2026 |
| 165 | Cảm biến vòng tua động cơ 318-1181 | Cái | 2 | 6.208.000 | 12.416.000 | 8 | 993.280 | 2023-2026 |
| 166 | Dây điện hộp số 324-0843 | Cái | 2 | 3.678.000 | 7.356.000 | 8 | 588.480 | 2023-2026 |
| 167 | Dây điện hộp số 326-4100 | Cái | 2 | 11.428.000 | 22.856.000 | 8 | 1.828.480 | 2023-2026 |
| 168 | Pin điện 326-5212 | Cái | 3 | 1.429.000 | 4.287.000 | 8 | 342.960 | 2023-2026 |
| 169 | Măng xéc giảm sóc 327-1055 433-5903 | Cái | 5 | 2.535.000 | 12.675.000 | 8 | 1.014.000 | 2023-2026 |
| 170 | Phốt bơm nước 349-2654 | Cái | 3 | 3.063.000 | 9.189.000 | 8 | 735.120 | 2023-2026 |
| 171 | Van phanh rà 236-6570 351-0524 | Cái | 1 | 17.475.000 | 17.475.000 | 8 | 1.398.000 | 2023-2026 |
| 172 | Gioăng nước 359-1439 | Cái | 3 | 173.000 | 519.000 | 8 | 41.520 | 2023-2026 |
| 173 | Gioăng bằng trước 379-5053 | Cái | 2 | 620.000 | 1.240.000 | 8 | 99.200 | 2023-2026 |
| 174 | Ca vòng bi nhỏ quả dứa 3D-1100 | Cái | 2 | 4.673.000 | 9.346.000 | 8 | 747.680 | 2023-2026 |
| 175 | Gioăng bơm 3D-4245 | Cái | 5 | 69.000 | 345.000 | 8 | 27.600 | 2023-2026 |
| 176 | Gioăng vòi phun 3E-6747 250-0466 | Cái | 24 | 356.000 | 8.544.000 | 8 | 683.520 | 2023-2026 |
| 177 | Gioăng tròn 3E-6769 | Cái | 3 | 209.000 | 627.000 | 8 | 50.160 | 2023-2026 |
| 178 | Gioăng giữa bơm phanh va bơm lái 3E-6799 | Cái | 3 | 686.000 | 2.058.000 | 8 | 164.640 | 2023-2026 |
| 179 | Bi bu ly cánh quạt 3L-1425 | Cái | 3 | 1.798.000 | 5.394.000 | 8 | 431.520 | 2023-2026 |
| 180 | Gioăng 3P-0647 228-4947 | Cái | 3 | 226.000 | 678.000 | 8 | 54.240 | 2023-2026 |
| 181 | Gioăng tròn 3P-1155 | Cái | 3 | 345.000 | 1.035.000 | 8 | 82.800 | 2023-2026 |
| 182 | Vành răng Z89 số (2+3) 3P-8167 | Cái | 1 | 61.114.000 | 61.114.000 | 8 | 4.889.120 | 2023-2026 |
| 183 | Xéc măng 3S-0142 | Cái | 3 | 1.520.000 | 4.560.000 | 8 | 364.800 | 2023-2026 |
| 184 | Xéc măng 3S-1278 | Cái | 3 | 1.498.000 | 4.494.000 | 8 | 359.520 | 2023-2026 |
| 185 | Xéc măng 3S-1282 | Cái | 3 | 1.314.000 | 3.942.000 | 8 | 315.360 | 2023-2026 |
| 186 | Xéc măng 3S-1283 | Cái | 3 | 1.177.000 | 3.531.000 | 8 | 282.480 | 2023-2026 |

| | | | | | | | | |
|-----|---|------|----|-----------|------------|---|-----------|-----------|
| 187 | Bạc trục 3S-1292 | Cái | 3 | 1.662.000 | 4.986.000 | 8 | 398.880 | 2023-2026 |
| 188 | Gioăng 3S-9643 | Cái | 3 | 657.000 | 1.971.000 | 8 | 157.680 | 2023-2026 |
| 189 | Chổi than 3T-9524 | Cái | 6 | 576.000 | 3.456.000 | 8 | 276.480 | 2023-2026 |
| 190 | Gioăng đầu, đuôi hộp số 4D-0449 | Cái | 3 | 506.000 | 1.518.000 | 8 | 121.440 | 2023-2026 |
| 191 | Gioăng 4F-7390 | Cái | 3 | 191.000 | 573.000 | 8 | 45.840 | 2023-2026 |
| 192 | Gioăng tròn 4J-0519 | Cái | 3 | 90.000 | 270.000 | 8 | 21.600 | 2023-2026 |
| 193 | Gioăng tròn 4J-0524 | Cái | 3 | 125.000 | 375.000 | 8 | 30.000 | 2023-2026 |
| 194 | Gioăng tròn 4J-0525 | Cái | 3 | 131.000 | 393.000 | 8 | 31.440 | 2023-2026 |
| 195 | Gioăng tròn 4J-0527 | Cái | 3 | 145.000 | 435.000 | 8 | 34.800 | 2023-2026 |
| 196 | Gioăng tròn 4J-2506 | Cái | 3 | 44.000 | 132.000 | 8 | 10.560 | 2023-2026 |
| 197 | Gioăng giảm sóc 4J-6557 | Cái | 3 | 142.000 | 426.000 | 8 | 34.080 | 2023-2026 |
| 198 | Gioăng cô đồ dầu biến mô 4M-0189 | Cái | 3 | 222.000 | 666.000 | 8 | 53.280 | 2023-2026 |
| 199 | Lò xo 4M-9592 | Cái | 3 | 279.000 | 837.000 | 8 | 66.960 | 2023-2026 |
| 200 | Gioăng bích giảm tốc cạnh 4S-5924 | Cái | 5 | 429.000 | 2.145.000 | 8 | 171.600 | 2023-2026 |
| 201 | Phin lọc dầu lái 4T-6788 | Cái | 20 | 267.000 | 5.340.000 | 8 | 427.200 | 2023-2026 |
| 202 | Gioăng 5D-7523 | Cái | 5 | 741.000 | 3.705.000 | 8 | 296.400 | 2023-2026 |
| 203 | Gioăng bơm 5F-3999 | Cái | 5 | 233.000 | 1.165.000 | 8 | 93.200 | 2023-2026 |
| 204 | Gioăng tròn 5H-6005 | Cái | 5 | 50.000 | 250.000 | 8 | 20.000 | 2023-2026 |
| 205 | Gioăng cô hút 5H-7704 | Cái | 5 | 529.000 | 2.645.000 | 8 | 211.600 | 2023-2026 |
| 206 | Gioăng giảm sóc 5J-1731 | Cái | 10 | 338.000 | 3.380.000 | 8 | 270.400 | 2023-2026 |
| 207 | Gioăng giảm sóc 5J-6444 | Cái | 10 | 138.000 | 1.380.000 | 8 | 110.400 | 2023-2026 |
| 208 | Gioăng tròn 5K-9090 | Cái | 10 | 62.000 | 620.000 | 8 | 49.600 | 2023-2026 |
| 209 | Vòng bi 5M-0578 | Vòng | 2 | 663.000 | 1.326.000 | 8 | 106.080 | 2023-2026 |
| 210 | Vòng bi 5M-2051 | Vòng | 2 | 754.000 | 1.508.000 | 8 | 120.640 | 2023-2026 |
| 211 | Vòng bi 5M-5018 | Vòng | 2 | 556.000 | 1.112.000 | 8 | 88.960 | 2023-2026 |
| 212 | Vòng bi 5M-6126 | Vòng | 2 | 616.000 | 1.232.000 | 8 | 98.560 | 2023-2026 |
| 213 | Gioăng máy nén khí 5M-6509 | Cái | 5 | 128.000 | 640.000 | 8 | 51.200 | 2023-2026 |
| 214 | Bạc đỡ dầu trục 5M-8651 | Cái | 3 | 803.000 | 2.409.000 | 8 | 192.720 | 2023-2026 |
| 215 | Dây đai cánh quạt (1bộ = 3 cái) 5N-4751 | Bộ | 2 | 5.870.000 | 11.740.000 | 8 | 939.200 | 2023-2026 |
| 216 | Gioăng tròn 5P-3108 | Cái | 5 | 61.000 | 305.000 | 8 | 24.400 | 2023-2026 |
| 217 | Gioăng moay 5P-4076 | Cái | 5 | 627.000 | 3.135.000 | 8 | 250.800 | 2023-2026 |
| 218 | Gioăng 5P-5010 | Cái | 5 | 3.413.000 | 17.065.000 | 8 | 1.365.200 | 2023-2026 |

| | | | | | | | | |
|-----|--|------|----|------------|------------|---|-----------|-----------|
| 219 | Gioăng 5P-7815 | Cái | 5 | 402.000 | 2.010.000 | 8 | 160.800 | 2023-2026 |
| 220 | Gioăng 5P-8356 | Cái | 5 | 267.000 | 1.335.000 | 8 | 106.800 | 2023-2026 |
| 221 | Gioăng 5P-8429 | Cái | 5 | 1.551.000 | 7.755.000 | 8 | 620.400 | 2023-2026 |
| 222 | Gioăng 5P-8940 | Cái | 5 | 1.177.000 | 5.885.000 | 8 | 470.800 | 2023-2026 |
| 223 | Gioăng hộp số 5P-9186 | Cái | 5 | 254.000 | 1.270.000 | 8 | 101.600 | 2023-2026 |
| 224 | Gioăng tăng áp 5P-9890 112-3540 | Cái | 5 | 453.000 | 2.265.000 | 8 | 181.200 | 2023-2026 |
| 225 | Vòng bi 5S-4442 | Vòng | 3 | 1.377.000 | 4.131.000 | 8 | 330.480 | 2023-2026 |
| 226 | Gioăng 6D-1355 | Cái | 5 | 598.000 | 2.990.000 | 8 | 239.200 | 2023-2026 |
| 227 | Van định áp 6D-3781 | Cái | 3 | 3.768.000 | 11.304.000 | 8 | 904.320 | 2023-2026 |
| 228 | Xéc măng hộp số 6F-0155 | Cái | 5 | 420.000 | 2.100.000 | 8 | 168.000 | 2023-2026 |
| 229 | Gioăng cao su 6F-6672 | Cái | 5 | 58.000 | 290.000 | 8 | 23.200 | 2023-2026 |
| 230 | Gioăng moay ơ 6F-8146 | Cái | 5 | 211.000 | 1.055.000 | 8 | 84.400 | 2023-2026 |
| 231 | Cần quả dứa vi sai 6G-1881 | Cái | 10 | 326.000 | 3.260.000 | 8 | 260.800 | 2023-2026 |
| 232 | Cần quả dứa vi sai 6G-1893 | Cái | 10 | 248.000 | 2.480.000 | 8 | 198.400 | 2023-2026 |
| 233 | Cần 6G-4363 | Cái | 3 | 2.858.000 | 8.574.000 | 8 | 685.920 | 2023-2026 |
| 234 | Xéc măng hộp số 6H-7201 | Cái | 5 | 338.000 | 1.690.000 | 8 | 135.200 | 2023-2026 |
| 235 | Phin lọc gió thô động cơ 6I-2505 | Cái | 20 | 1.640.000 | 32.800.000 | 8 | 2.624.000 | 2023-2026 |
| 236 | Phin lọc gió tinh động cơ 6I-2506 | Cái | 20 | 903.000 | 18.060.000 | 8 | 1.444.800 | 2023-2026 |
| 237 | Gioăng tròn 6J-2680 | Cái | 5 | 167.000 | 835.000 | 8 | 66.800 | 2023-2026 |
| 238 | Gioăng máy nén khí 6L-1883 597-1291 | Cái | 5 | 98.000 | 490.000 | 8 | 39.200 | 2023-2026 |
| 239 | Gioăng 6L-9405 | Cái | 5 | 347.000 | 1.735.000 | 8 | 138.800 | 2023-2026 |
| 240 | Gioăng mặt bích 6M-5218 | Cái | 5 | 579.000 | 2.895.000 | 8 | 231.600 | 2023-2026 |
| 241 | Gioăng máy nén khí 6N-0634 | Cái | 5 | 273.000 | 1.365.000 | 8 | 109.200 | 2023-2026 |
| 242 | Gioăng mặt máy nén khí 6N-2098 | Cái | 5 | 223.000 | 1.115.000 | 8 | 89.200 | 2023-2026 |
| 243 | Bộ chia dầu 6P-7709 486-9750 | Cái | 1 | 18.941.000 | 18.941.000 | 8 | 1.515.280 | 2023-2026 |
| 244 | Trục BR hành tinh 6P-9269 | Cái | 3 | 4.637.000 | 13.911.000 | 8 | 1.112.880 | 2023-2026 |
| 245 | Xéc măng 6T-5611 | Cái | 3 | 514.000 | 1.542.000 | 8 | 123.360 | 2023-2026 |
| 246 | Bì đỡ bánh răng trung gian buồng sau 6V-7725 | Vòng | 2 | 12.549.000 | 25.098.000 | 8 | 2.007.840 | 2023-2026 |
| 247 | Gioăng bơm 6V-8260 | Cái | 5 | 1.016.000 | 5.080.000 | 8 | 406.400 | 2023-2026 |
| 248 | Gioăng 6V-8397 | Cái | 5 | 50.000 | 250.000 | 8 | 20.000 | 2023-2026 |
| 249 | Gioăng đầu ống nhiên liệu 6V-8398 | Cái | 5 | 51.000 | 255.000 | 8 | 20.400 | 2023-2026 |
| 250 | Gioăng tròn 6V-8676 | Cái | 5 | 443.000 | 2.215.000 | 8 | 177.200 | 2023-2026 |

| | | | | | | | | |
|-----|---|------|---|-----------|------------|----|-----------|-----------|
| 251 | Gioăng tròn 6V-9746 | Cái | 5 | 56.000 | 280.000 | 8 | 22.400 | 2023-2026 |
| 252 | Vòng bi giảm tốc cạnh 6Y-4119 | Vòng | 6 | 4.600.000 | 27.600.000 | 8 | 2.208.000 | 2023-2026 |
| 253 | Xéc măng 6Y-5888 | Cái | 3 | 3.534.000 | 10.602.000 | 8 | 848.160 | 2023-2026 |
| 254 | Gioăng đường khí 7C-0307 | Cái | 5 | 70.000 | 350.000 | 8 | 28.000 | 2023-2026 |
| 255 | Xéc măng bơm dầu 7C-1511 | Cái | 3 | 1.072.000 | 3.216.000 | 8 | 257.280 | 2023-2026 |
| 256 | Gioăng bầu phanh 7D-7519 | Cái | 5 | 487.000 | 2.435.000 | 8 | 194.800 | 2023-2026 |
| 257 | Gioăng tròn 7D-8048 | Cái | 5 | 103.000 | 515.000 | 8 | 41.200 | 2023-2026 |
| 258 | Gioăng 7F-0938 | Cái | 5 | 68.000 | 340.000 | 8 | 27.200 | 2023-2026 |
| 259 | Gioăng cụm chia dầu phanh sau 773E 7F-2122 | Cái | 5 | 222.000 | 1.110.000 | 8 | 88.800 | 2023-2026 |
| 260 | Gioăng đường dầu vào cụm chia dầu 7J-9108 | Cái | 5 | 54.000 | 270.000 | 8 | 21.600 | 2023-2026 |
| 261 | Gioăng đệm 7L-2894 | Cái | 5 | 167.000 | 835.000 | 8 | 66.800 | 2023-2026 |
| 262 | Lò xo 7M-5813 | Cái | 3 | 436.000 | 1.308.000 | 8 | 104.640 | 2023-2026 |
| 263 | Van bình khí nén 7X-7655 | Cái | 2 | 1.343.000 | 2.686.000 | 8 | 214.880 | 2023-2026 |
| 264 | Gioăng giảm sóc 7Y-4294 | Cái | 5 | 288.000 | 1.440.000 | 8 | 115.200 | 2023-2026 |
| 265 | Gioăng đường khí 8C-3089 | Cái | 5 | 662.000 | 3.310.000 | 8 | 264.800 | 2023-2026 |
| 266 | Gioăng 8C-3093 | Cái | 5 | 229.000 | 1.145.000 | 8 | 91.600 | 2023-2026 |
| 267 | Phin lọc gió ngoài ca bin 8C-9657 | Cái | 5 | 732.000 | 3.660.000 | 8 | 292.800 | 2023-2026 |
| 268 | Căn 8E-8299 | Cái | 5 | 257.000 | 1.285.000 | 8 | 102.800 | 2023-2026 |
| 269 | Căn 8E-8311 | Cái | 5 | 412.000 | 2.060.000 | 8 | 164.800 | 2023-2026 |
| 270 | Bi bu ly cánh quạt 8H-9789 | Cái | 3 | 1.302.000 | 3.906.000 | 8 | 312.480 | 2023-2026 |
| 271 | Gioăng 8L-2746 | Cái | 5 | 202.000 | 1.010.000 | 8 | 80.800 | 2023-2026 |
| 272 | Gioăng bộ khóa biến mô 8L-2777 | Cái | 5 | 195.000 | 975.000 | 8 | 78.000 | 2023-2026 |
| 273 | Gioăng 8L-2779 464-0509 | Cái | 5 | 172.000 | 860.000 | 8 | 68.800 | 2023-2026 |
| 274 | Gioăng moay σ 8L-9241 | Cái | 5 | 244.000 | 1.220.000 | 8 | 97.600 | 2023-2026 |
| 275 | Gioăng tròn 8M-1112 | Cái | 5 | 143.000 | 715.000 | 8 | 57.200 | 2023-2026 |
| 276 | Gioăng cao su bích van nạp khí 8M-4435 | Cái | 5 | 128.000 | 640.000 | 8 | 51.200 | 2023-2026 |
| 277 | Gioăng đường khí 8M-7065 | Cái | 5 | 63.000 | 315.000 | 8 | 25.200 | 2023-2026 |
| 278 | Gioăng máy nén khí 8N-3665 | Cái | 3 | 785.000 | 2.355.000 | 8 | 188.400 | 2023-2026 |
| 279 | Phin lọc đường hút hộp số 8P-3795 | Cái | 5 | 1.384.000 | 6.920.000 | 10 | 692.000 | 2023-2026 |
| 280 | Vòng bi côn trục BR lai bơm ben lái 8S-9152 | Vòng | 3 | 2.770.000 | 8.310.000 | 8 | 664.800 | 2023-2026 |
| 281 | Bạc phíp 8T-1127 | Cái | 3 | 2.144.000 | 6.432.000 | 8 | 514.560 | 2023-2026 |
| 282 | Gioăng cao su 8T-2885 | Cái | 5 | 168.000 | 840.000 | 8 | 67.200 | 2023-2026 |

| | | | | | | | | |
|-----|--|------|-----|------------|------------|---|-----------|-----------|
| 283 | Bạc phíp 8T-7692 | Cái | 3 | 9.986.000 | 29.958.000 | 8 | 2.396.640 | 2023-2026 |
| 284 | Xéc măng giám sóc 8T-7694 | Cái | 3 | 3.249.000 | 9.747.000 | 8 | 779.760 | 2023-2026 |
| 285 | Bạc phíp 8T-7695 | Cái | 3 | 5.007.000 | 15.021.000 | 8 | 1.201.680 | 2023-2026 |
| 286 | Xéc măng phanh 9D-7986 | Cái | 10 | 2.800.000 | 28.000.000 | 8 | 2.240.000 | 2023-2026 |
| 287 | Xéc măng phanh 9D-7987 | Cái | 10 | 2.520.000 | 25.200.000 | 8 | 2.016.000 | 2023-2026 |
| 288 | Xéc măng phanh 9D-7988 | Cái | 10 | 3.330.000 | 33.300.000 | 8 | 2.664.000 | 2023-2026 |
| 289 | Gioăng 9F-4446 | Cái | 10 | 231.000 | 2.310.000 | 8 | 184.800 | 2023-2026 |
| 290 | Gioăng hộp số 9H-3360 | Cái | 5 | 666.000 | 3.330.000 | 8 | 266.400 | 2023-2026 |
| 291 | Dây đai điều hòa 9L-1130 | Cái | 3 | 1.788.000 | 5.364.000 | 8 | 429.120 | 2023-2026 |
| 292 | Dây đai máy phát 9L-6639 | Cái | 3 | 1.625.000 | 4.875.000 | 8 | 390.000 | 2023-2026 |
| 293 | Gioăng 9L-6924 | Cái | 5 | 102.000 | 510.000 | 8 | 40.800 | 2023-2026 |
| 294 | Van máy nén khí 9M-0381 | Cái | 5 | 479.000 | 2.395.000 | 8 | 191.600 | 2023-2026 |
| 295 | Bộ gioăng phớt van xả hơi 9M-0402 629-3045 | Bộ | 2 | 1.033.000 | 2.066.000 | 8 | 165.280 | 2023-2026 |
| 296 | Vòng bi 9M-1997 | Vòng | 5 | 2.068.000 | 10.340.000 | 8 | 827.200 | 2023-2026 |
| 297 | Chốt bi hộp số 9M-2001 | Cái | 5 | 136.000 | 680.000 | 8 | 54.400 | 2023-2026 |
| 298 | Vòng bi 9M-2744 | Vòng | 3 | 15.850.000 | 47.550.000 | 8 | 3.804.000 | 2023-2026 |
| 299 | Gioăng hộp số 9M-4218 | Cái | 5 | 435.000 | 2.175.000 | 8 | 174.000 | 2023-2026 |
| 300 | Cần 9M-5874 | Cái | 5 | 1.078.000 | 5.390.000 | 8 | 431.200 | 2023-2026 |
| 301 | Gioăng moay ơ 9M-5892 | Cái | 5 | 639.000 | 3.195.000 | 8 | 255.600 | 2023-2026 |
| 302 | Lò xo tách côn 9M-6193 | Cái | 135 | 140.000 | 18.900.000 | 8 | 1.512.000 | 2023-2026 |
| 303 | Gioăng hộp số 9M-7002 | Cái | 10 | 277.000 | 2.770.000 | 8 | 221.600 | 2023-2026 |
| 304 | Lá đồng bộ côn số 3,4 9W-4662 | Cái | 5 | 4.673.000 | 23.365.000 | 8 | 1.869.200 | 2023-2026 |
| 305 | Lá ma sát bầu phanh 9W-7017 | Cái | 5 | 4.515.000 | 22.575.000 | 8 | 1.806.000 | 2023-2026 |
| 306 | Bánh răng tốc độ hộp số 9W-7334 | Cái | 2 | 8.311.000 | 16.622.000 | 8 | 1.329.760 | 2023-2026 |
| 307 | Gioăng bầu phanh 9X-7307 | Cái | 5 | 2.244.000 | 11.220.000 | 8 | 897.600 | 2023-2026 |
| 308 | Gioăng tròn 9X-7371 | Cái | 5 | 1.024.000 | 5.120.000 | 8 | 409.600 | 2023-2026 |
| 309 | Gioăng 9X-7378 | Cái | 5 | 80.000 | 400.000 | 8 | 32.000 | 2023-2026 |
| 310 | Gioăng 9X-7408 | Cái | 5 | 81.000 | 405.000 | 8 | 32.400 | 2023-2026 |
| 311 | Gioăng tròn 9X-7680 228-7088 | Cái | 5 | 181.000 | 905.000 | 8 | 72.400 | 2023-2026 |
| 312 | Gioăng vôi phun 9X-7681 | Cái | 5 | 206.000 | 1.030.000 | 8 | 82.400 | 2023-2026 |
| 313 | Gioăng 9X-7734 | Cái | 5 | 254.000 | 1.270.000 | 8 | 101.600 | 2023-2026 |
| 314 | Gioăng bằng sau 9Y-6089 | Cái | 5 | 221.000 | 1.105.000 | 8 | 88.400 | 2023-2026 |

| | | | | | | | | |
|-----|---|-----|----|-------------|-------------|---|------------|-----------|
| 315 | Ca xéc măng bộ côn số 2 6P-7706 | Cái | 1 | 11.438.000 | 11.438.000 | 8 | 915.040 | 2023-2026 |
| 316 | Bộ kit xi lanh phanh 318-8229 | Cái | 3 | 6.737.000 | 20.211.000 | 8 | 1.616.880 | 2023-2026 |
| 317 | Gioăng tròn 4J-0528 | Cái | 5 | 150.000 | 750.000 | 8 | 60.000 | 2023-2026 |
| 318 | Gioăng tròn 4K-2039 | Cái | 5 | 46.000 | 230.000 | 8 | 18.400 | 2023-2026 |
| 319 | Gioăng bầu phanh 123-2941 | Cái | 5 | 693.000 | 3.465.000 | 8 | 277.200 | 2023-2026 |
| 320 | Gioăng phốt tổng phanh trước 5T-4748 | Bộ | 1 | 6.686.000 | 6.686.000 | 8 | 534.880 | 2023-2026 |
| 321 | Bộ gioăng phốt trung tu động cơ MG1001 | Bộ | 1 | 152.716.000 | 152.716.000 | 8 | 12.217.280 | 2023-2026 |
| 322 | Bộ gioăng phốt bơm ben phanh 232-0242 | Bộ | 3 | 9.559.000 | 28.677.000 | 8 | 2.294.160 | 2023-2026 |
| 323 | Gioăng tròn 112-3102 | Cái | 5 | 236.000 | 1.180.000 | 8 | 94.400 | 2023-2026 |
| 324 | Gioăng 180-8424 | Cái | 5 | 47.000 | 235.000 | 8 | 18.800 | 2023-2026 |
| 325 | Gioăng 214-1727 | Cái | 6 | 867.000 | 5.202.000 | 8 | 416.160 | 2023-2026 |
| 326 | Gioăng tròn 224-6079 | Cái | 5 | 411.000 | 2.055.000 | 8 | 164.400 | 2023-2026 |
| 327 | Gioăng tròn 238-6646 | Cái | 5 | 1.255.000 | 6.275.000 | 8 | 502.000 | 2023-2026 |
| 328 | Giăng các te 353-1648 | Cái | 3 | 1.076.000 | 3.228.000 | 8 | 258.240 | 2023-2026 |
| 329 | Gioăng tròn 502-4034 | Cái | 5 | 1.121.000 | 5.605.000 | 8 | 448.400 | 2023-2026 |
| 330 | Gioăng bơm ép 6V-5050 | Cái | 5 | 296.000 | 1.480.000 | 8 | 118.400 | 2023-2026 |
| 331 | Gioăng tròn 6V-5064 | Cái | 5 | 81.000 | 405.000 | 8 | 32.400 | 2023-2026 |
| 332 | Gioăng tròn cao su thuộc bộ làm mát dầu động cơ 6V-9027 | Cái | 5 | 41.000 | 205.000 | 8 | 16.400 | 2023-2026 |
| 333 | Gioăng 6V-9028 | Cái | 10 | 47.000 | 470.000 | 8 | 37.600 | 2023-2026 |
| 334 | Gioăng tròn 8T-1703 | Cái | 5 | 140.000 | 700.000 | 8 | 56.000 | 2023-2026 |
| 335 | Gioăng 8T-3298 | Cái | 10 | 154.000 | 1.540.000 | 8 | 123.200 | 2023-2026 |
| 336 | Cảm biến nhiệt độ dầu máy 106-0735 | Cái | 2 | 7.715.000 | 15.430.000 | 8 | 1.234.400 | 2023-2026 |
| 337 | Van phanh 2G-3594 | Cái | 3 | 5.161.000 | 15.483.000 | 8 | 1.238.640 | 2023-2026 |
| 338 | Kít nén khí 6I-1220 | Bộ | 2 | 1.394.000 | 2.788.000 | 8 | 223.040 | 2023-2026 |
| 339 | Van sấy khí 470-0213 | Cái | 2 | 8.514.000 | 17.028.000 | 8 | 1.362.240 | 2023-2026 |
| 340 | Gioăng 151-7109 | Cái | 5 | 1.172.000 | 5.860.000 | 8 | 468.800 | 2023-2026 |
| 341 | Bộ seals kit van phanh trước 197-7484 | Bộ | 2 | 4.734.000 | 9.468.000 | 8 | 757.440 | 2023-2026 |
| 342 | Gioăng ca xoa moay ơ trước 4M-0660 | Cái | 5 | 808.000 | 4.040.000 | 8 | 323.200 | 2023-2026 |
| 343 | Cảm biến vị trí số 338-1462 | Cái | 1 | 30.476.000 | 30.476.000 | 8 | 2.438.080 | 2023-2026 |
| 344 | Gioăng tròn 4J-0523 | Cái | 5 | 118.000 | 590.000 | 8 | 47.200 | 2023-2026 |
| 345 | Cảm biến chân phanh 266-1467 | Cái | 1 | 7.343.000 | 7.343.000 | 8 | 587.440 | 2023-2026 |
| 346 | Gioăng van phanh đỗ 3T-5224 | Cái | 4 | 351.000 | 1.404.000 | 8 | 112.320 | 2023-2026 |

| | | | | | | | | |
|-----|--|-----|-----|------------|------------|----|-----------|-----------|
| 347 | Bạc trực chính hộp số 486-9752 | Cái | 5 | 1.314.000 | 6.570.000 | 8 | 525.600 | 2023-2026 |
| 348 | Gioăng 104-6730 | Cái | 5 | 83.000 | 415.000 | 8 | 33.200 | 2023-2026 |
| 349 | Gioăng van điện 117-2983 | Cái | 5 | 79.000 | 395.000 | 8 | 31.600 | 2023-2026 |
| 350 | Gioăng 4N-1419 | Cái | 5 | 141.000 | 705.000 | 8 | 56.400 | 2023-2026 |
| 351 | Gioăng 6N-0992 | Cái | 5 | 267.000 | 1.335.000 | 8 | 106.800 | 2023-2026 |
| 352 | Gioăng đệm 9L-1633 | Cái | 5 | 106.000 | 530.000 | 8 | 42.400 | 2023-2026 |
| 353 | Phốt 8S-5575 | Cái | 2 | 254.000 | 508.000 | 8 | 40.640 | 2023-2026 |
| 354 | Gioăng ca xoa moay ơ trước 4M-0736 | Cái | 4 | 1.023.000 | 4.092.000 | 8 | 327.360 | 2023-2026 |
| 355 | Phốt van lái 6V-1604 | Cái | 2 | 764.000 | 1.528.000 | 8 | 122.240 | 2023-2026 |
| 356 | Phin lọc gió 211-2660 | Cái | 5 | 1.102.000 | 5.510.000 | 8 | 440.800 | 2023-2026 |
| 357 | Phin lọc thông hơi thùng dầu thủy lực 245-7451 | Cái | 5 | 697.000 | 3.485.000 | 10 | 348.500 | 2023-2026 |
| 358 | Phin lọc thông hơi xi lanh phanh 8J-5604 | Cái | 5 | 429.000 | 2.145.000 | 10 | 214.500 | 2023-2026 |
| 359 | Van phanh đỗ 128-4971 | Cái | 2 | 6.245.000 | 12.490.000 | 8 | 999.200 | 2023-2026 |
| 360 | Gioăng chân kết nước 511-3119 | Cái | 5 | 1.983.000 | 9.915.000 | 8 | 793.200 | 2023-2026 |
| 361 | Công tắc phanh rà 284-3622 | Cái | 2 | 1.489.000 | 2.978.000 | 8 | 238.240 | 2023-2026 |
| 362 | Bơm nước động cơ 352-2077 | Cái | 1 | 56.803.000 | 56.803.000 | 8 | 4.544.240 | 2023-2026 |
| 363 | Lọc van đi số 6T-7640 | Cái | 5 | 588.000 | 2.940.000 | 8 | 235.200 | 2023-2026 |
| 364 | Gioăng đệm 117-5268 | Cái | 5 | 235.000 | 1.175.000 | 8 | 94.000 | 2023-2026 |
| 365 | Phốt 135-5935 | Cái | 5 | 971.000 | 4.855.000 | 8 | 388.400 | 2023-2026 |
| 366 | Công tắc vị trí ben 228-4808 | Cái | 2 | 8.189.000 | 16.378.000 | 8 | 1.310.240 | 2023-2026 |
| 367 | Vòng bi 6V-3916 | Cái | 3 | 1.127.000 | 3.381.000 | 8 | 270.480 | 2023-2026 |
| 368 | Bơm nước động cơ 352-0200 | Cái | 1 | 74.366.000 | 74.366.000 | 8 | 5.949.280 | 2023-2026 |
| 369 | Van phanh 213-1081 | Cái | 2 | 7.270.000 | 14.540.000 | 8 | 1.163.200 | 2023-2026 |
| 370 | Phin lọc tinh nhiên liệu 1R-0755 | Cái | 30 | 915.000 | 27.450.000 | 8 | 2.196.000 | 2023-2026 |
| 371 | Phin lọc tách nước 326-1643 | Cái | 30 | 681.000 | 20.430.000 | 8 | 1.634.400 | 2023-2026 |
| 372 | Mỡ chịu nhiệt (16Kg/xô) 4526009 | Kg | 192 | 304.000 | 58.368.000 | 8 | 4.669.440 | 2023-2026 |
| 373 | Phin lọc khí nạp thô 6I-2501 | Cái | 4 | 2.107.000 | 8.428.000 | 8 | 674.240 | 2023-2026 |
| 374 | Phin lọc khí nạp tinh 6I-2502 | Cái | 4 | 1.575.000 | 6.300.000 | 8 | 504.000 | 2023-2026 |
| 375 | Phin lọc gió trong điều hòa 6T-5068 | Cái | 4 | 911.000 | 3.644.000 | 8 | 291.520 | 2023-2026 |
| 376 | Phin lọc gió ngoài điều hòa 6T-0988 | Cái | 4 | 1.461.000 | 5.844.000 | 8 | 467.520 | 2023-2026 |
| 377 | Phin lọc dầu thủy lực số 328-3655 624-1845 | Cái | 20 | 1.753.000 | 35.060.000 | 8 | 2.804.800 | 2023-2026 |
| 378 | Phin lọc thô tách nước nhiên liệu 326-1644 | Cái | 20 | 615.000 | 12.300.000 | 8 | 984.000 | 2023-2026 |

| | | | | | | | | |
|-----|--|-----|------|------------|------------|----|-----------|-----------|
| 379 | Bạc càng a cầu sau 243-3071 | Cái | 4 | 8.308.000 | 33.232.000 | 8 | 2.658.560 | 2023-2026 |
| 380 | Vòng ren khóa bi chao 288-2747 | Cái | 5 | 5.240.000 | 26.200.000 | 8 | 2.096.000 | 2023-2026 |
| 381 | Bu lông khóa càng a cầu sau 8T-0283 | Cái | 12 | 796.000 | 9.552.000 | 8 | 764.160 | 2023-2026 |
| 382 | Vòng đệm 198-4772 | Cái | 4 | 820.000 | 3.280.000 | 8 | 262.400 | 2023-2026 |
| 383 | Ca trong vòng bi nhỏ moay σ 6V-0663 | Cái | 1 | 8.408.000 | 8.408.000 | 8 | 672.640 | 2023-2026 |
| 384 | Ca ngoài bi nhỏ moay σ 6V-0662 | Cái | 1 | 2.871.000 | 2.871.000 | 8 | 229.680 | 2023-2026 |
| 385 | Ca trong vòng bi to moay σ 6V-0664 | Cái | 1 | 17.243.000 | 17.243.000 | 8 | 1.379.440 | 2023-2026 |
| 386 | Ca ngoài vòng bi to moay σ 5F-2465 | Cái | 1 | 6.330.000 | 6.330.000 | 8 | 506.400 | 2023-2026 |
| 387 | Vòng bi truyền động cuối 4B-3693 | Cái | 2 | 3.987.000 | 7.974.000 | 8 | 637.920 | 2023-2026 |
| 388 | Gioăng ca xoa 6Y-0859 | Cái | 2 | 10.597.000 | 21.194.000 | 8 | 1.695.520 | 2023-2026 |
| 389 | Phốt trực láp 419-4175 | Cái | 2 | 922.000 | 1.844.000 | 8 | 147.520 | 2023-2026 |
| 390 | Gioăng 8J-1665 | Cái | 5 | 312.000 | 1.560.000 | 8 | 124.800 | 2023-2026 |
| 391 | Gioăng 9H-0846 | Cái | 5 | 626.000 | 3.130.000 | 8 | 250.400 | 2023-2026 |
| 392 | Gioăng giảm tốc 090-3093 | Cái | 5 | 252.000 | 1.260.000 | 8 | 100.800 | 2023-2026 |
| 393 | Căn bánh răng giảm tốc cạnh 7T-2530 | Cái | 3 | 4.045.000 | 12.135.000 | 8 | 970.800 | 2023-2026 |
| 394 | Căn bánh răng giảm tốc cạnh 9W-3232 | Cái | 3 | 1.072.000 | 3.216.000 | 8 | 257.280 | 2023-2026 |
| 395 | Bi bánh răng giảm tốc cạnh 6V-0661 | Cái | 3 | 3.873.000 | 11.619.000 | 8 | 929.520 | 2023-2026 |
| 396 | Ca bi 2P-1370 | Cái | 3 | 2.004.000 | 6.012.000 | 8 | 480.960 | 2023-2026 |
| 397 | Điều tốc máy nén khí 4N-9680 628-1010 | Cái | 2 | 1.810.000 | 3.620.000 | 8 | 289.600 | 2023-2026 |
| 398 | Bu lông các đăng 9V-3811 | Cái | 10 | 569.000 | 5.690.000 | 8 | 455.200 | 2023-2026 |
| 399 | Nước làm mát động cơ CAT-ELI 210 lít/phuy 469-2725 | Lít | 1050 | 68.000 | 71.400.000 | 8 | 5.712.000 | 2023-2026 |
| 400 | Móng hãm 2A-4429 | Cái | 100 | 43.000 | 4.300.000 | 8 | 344.000 | 2023-2026 |
| 401 | Bạc trục cơ cot 0 317-8766 | Cái | 12 | 2.959.000 | 35.508.000 | 8 | 2.840.640 | 2023-2026 |
| 402 | Bạc biên cot 0 328-5574 | Cặp | 12 | 1.757.000 | 21.084.000 | 8 | 1.686.720 | 2023-2026 |
| 403 | Xéc măng lửa 134-3761 | Cái | 12 | 1.831.000 | 21.972.000 | 8 | 1.757.760 | 2023-2026 |
| 404 | Bu lông chân máy sau 2A-1538 | Cái | 30 | 169.000 | 5.070.000 | 8 | 405.600 | 2023-2026 |
| 405 | Long đen chân máy sau 5P-8248 | Cái | 30 | 59.000 | 1.770.000 | 8 | 141.600 | 2023-2026 |
| 406 | Van định áp đường dầu chính 9M-0853 | Cái | 5 | 1.143.000 | 5.715.000 | 8 | 457.200 | 2023-2026 |
| 407 | Khớp nối bơm chuyển nhiên liệu 117-1620 | Cái | 2 | 3.388.000 | 6.776.000 | 10 | 677.600 | 2023-2026 |
| 408 | Ổng dầu nhiên liệu 125-6795 | Cái | 1 | 1.338.000 | 1.338.000 | 8 | 107.040 | 2023-2026 |
| 409 | Ổng dầu nhiên liệu 125-6796 | Cái | 1 | 1.303.000 | 1.303.000 | 8 | 104.240 | 2023-2026 |
| 410 | Ổng dầu nhiên liệu 125-6798 | Cái | 1 | 1.144.000 | 1.144.000 | 8 | 91.520 | 2023-2026 |

| | | | | | | | | |
|-----|---|------|----|------------|------------|---|-----------|-----------|
| 411 | Trục bơm nước 135-4928 | Cái | 1 | 4.550.000 | 4.550.000 | 8 | 364.000 | 2023-2026 |
| 412 | Bi bơm nước 108-7930 | Cái | 1 | 4.338.000 | 4.338.000 | 8 | 347.040 | 2023-2026 |
| 413 | Ổng nước hồi từ block về sinh hàn 141-4094 | Cái | 3 | 2.306.000 | 6.918.000 | 8 | 553.440 | 2023-2026 |
| 414 | Ê cu cổ xà 2N-2766 | Cái | 64 | 273.000 | 17.472.000 | 8 | 1.397.760 | 2023-2026 |
| 415 | Long đen 5M-2894 | Cái | 64 | 17.000 | 1.088.000 | 8 | 87.040 | 2023-2026 |
| 416 | Bu lông tăng áp 2N-2765 | Cái | 24 | 483.000 | 11.592.000 | 8 | 927.360 | 2023-2026 |
| 417 | Vòng bi bu ly quạt gió 333-2408 | Cái | 5 | 3.763.000 | 18.815.000 | 8 | 1.505.200 | 2023-2026 |
| 418 | Bạc cao su tăng đai 2M-2742 | Cái | 5 | 548.000 | 2.740.000 | 8 | 219.200 | 2023-2026 |
| 419 | Lò xo tăng đai 462-0437 | Cái | 3 | 3.826.000 | 11.478.000 | 8 | 918.240 | 2023-2026 |
| 420 | Keo khóa ren 263 44068 | Tuýp | 10 | 656.000 | 6.560.000 | 8 | 524.800 | 2023-2026 |
| 421 | Keo bôi bề mặt 80017 | Tuýp | 5 | 482.000 | 2.410.000 | 8 | 192.800 | 2023-2026 |
| 422 | Phanh hãm trục chính 8H-3981 | Cái | 6 | 81.000 | 486.000 | 8 | 38.880 | 2023-2026 |
| 423 | Đĩa ma sát rọ số 1 3S-7981 | Cái | 5 | 2.529.000 | 12.645.000 | 8 | 1.011.600 | 2023-2026 |
| 424 | Phanh vành răng ăn khớp 8S-9182 | Cái | 3 | 247.000 | 741.000 | 8 | 59.280 | 2023-2026 |
| 425 | Pit tong rọ số 5 7S-4543 | Cái | 1 | 31.818.000 | 31.818.000 | 8 | 2.545.440 | 2023-2026 |
| 426 | Chốt dẫn hướng 9M-1990 | Cái | 10 | 1.567.000 | 15.670.000 | 8 | 1.253.600 | 2023-2026 |
| 427 | Lò xo 4M-5016 | Cái | 20 | 406.000 | 8.120.000 | 8 | 649.600 | 2023-2026 |
| 428 | Bu lông 2B-0947 | Cái | 10 | 79.000 | 790.000 | 8 | 63.200 | 2023-2026 |
| 429 | Khớp nối giữ mặt bích các dạng 6Y-9220 | Cái | 2 | 5.017.000 | 10.034.000 | 8 | 802.720 | 2023-2026 |
| 430 | Chốt trục 2K-3455 | Cái | 5 | 78.000 | 390.000 | 8 | 31.200 | 2023-2026 |
| 431 | Long đen 4D-3704 | Cái | 5 | 55.000 | 275.000 | 8 | 22.000 | 2023-2026 |
| 432 | Sim cần bi 3P-8147 | Cái | 2 | 11.669.000 | 23.338.000 | 8 | 1.867.040 | 2023-2026 |
| 433 | Gioăng 8H-7521 | Cái | 5 | 213.000 | 1.065.000 | 8 | 85.200 | 2023-2026 |
| 434 | Van điều khiển 9W-6964 | Cái | 4 | 1.043.000 | 4.172.000 | 8 | 333.760 | 2023-2026 |
| 435 | Van điều khiển số 6T-3115 | Cái | 2 | 10.508.000 | 21.016.000 | 8 | 1.681.280 | 2023-2026 |
| 436 | Chốt dẫn hướng 421-3135 | Cái | 5 | 99.000 | 495.000 | 8 | 39.600 | 2023-2026 |
| 437 | Gioăng 3J-1907 | Cái | 5 | 50.000 | 250.000 | 8 | 20.000 | 2023-2026 |
| 438 | Bạc puly tăng chỉnh dây cu roa quạt gió động cơ 4S-5367 | Cái | 2 | 2.521.000 | 5.042.000 | 8 | 403.360 | 2023-2026 |
| 439 | Phốt chắn dầu bơm nước 153-1256 | Cái | 2 | 605.000 | 1.210.000 | 8 | 96.800 | 2023-2026 |
| 440 | Cao su giảm chấn thanh cân bằng 6Y-7796 | Cái | 2 | 12.816.000 | 25.632.000 | 8 | 2.050.560 | 2023-2026 |
| 441 | Cao su giảm chấn thanh cân bằng 6Y-7795 581-2705 | Cái | 2 | 7.882.000 | 15.764.000 | 8 | 1.261.120 | 2023-2026 |
| 442 | Phốt chắn mỡ trục giữa trục cân bằng 7G-8666 | Cái | 3 | 8.375.000 | 25.125.000 | 8 | 2.010.000 | 2023-2026 |

| | | | | | | | | |
|-----|--|------|----|-------------|-------------|---|------------|-----------|
| 443 | Phốt chắn mỡ trục giữa trục cân bằng 7G-8664 | Cái | 3 | 8.487.000 | 25.461.000 | 8 | 2.036.880 | 2023-2026 |
| 444 | Bạc trục giữa thanh cân bằng 130-3139 | Cái | 4 | 3.726.000 | 14.904.000 | 8 | 1.192.320 | 2023-2026 |
| 445 | Bi chao đầu thanh cân bằng 7J-3216 | Quả | 4 | 9.710.000 | 38.840.000 | 8 | 3.107.200 | 2023-2026 |
| 446 | Phốt chắn mỡ bi chao trục giữa trục cân bằng 9X-7505 | Cái | 4 | 8.154.000 | 32.616.000 | 8 | 2.609.280 | 2023-2026 |
| 447 | Phanh hãm bi chao trục cân bằng 5L-4751 | Cái | 4 | 955.000 | 3.820.000 | 8 | 305.600 | 2023-2026 |
| 448 | Trục thanh cân bằng 7T-6427 | Cái | 2 | 13.392.000 | 26.784.000 | 8 | 2.142.720 | 2023-2026 |
| 449 | Trục trung tâm thanh cân bằng 208-5026 | Cái | 2 | 18.269.000 | 36.538.000 | 8 | 2.923.040 | 2023-2026 |
| 450 | Bu ly dẫn hướng dây cu roa (tron) 197-9641 | Cái | 2 | 3.489.000 | 6.978.000 | 8 | 558.240 | 2023-2026 |
| 451 | Bu ly tăng chỉnh dây cu roa 190-0643 | Cụm | 2 | 12.028.000 | 24.056.000 | 8 | 1.924.480 | 2023-2026 |
| 452 | Bi trục trung gian 7P-4190 | Vòng | 2 | 513.000 | 1.026.000 | 8 | 82.080 | 2023-2026 |
| 453 | Ca bi 4W-1203 | Cái | 6 | 934.000 | 5.604.000 | 8 | 448.320 | 2023-2026 |
| 454 | Bi 4W-1204 | Vòng | 6 | 1.088.000 | 6.528.000 | 8 | 522.240 | 2023-2026 |
| 455 | Phốt 6V-9748 | Cái | 3 | 391.000 | 1.173.000 | 8 | 93.840 | 2023-2026 |
| 456 | Bơm nước 350-2536 | Cái | 1 | 31.476.000 | 31.476.000 | 8 | 2.518.080 | 2023-2026 |
| 457 | Dây điện kim phun 215-3249 546-2154 | Bộ | 2 | 5.913.000 | 11.826.000 | 8 | 946.080 | 2023-2026 |
| 458 | Bu ly dẫn hướng dây cu roa (có rãnh) 197-9642 | Cái | 2 | 6.669.000 | 13.338.000 | 8 | 1.067.040 | 2023-2026 |
| 459 | Bu ly dẫn hướng dây cu roa (có rãnh) 227-8313 | Cái | 2 | 8.145.000 | 16.290.000 | 8 | 1.303.200 | 2023-2026 |
| 460 | Phốt 5S-2106 | Cái | 2 | 468.000 | 936.000 | 8 | 74.880 | 2023-2026 |
| 461 | Phốt chắn dầu giảm tốc cạnh 7X-4777 | Cái | 3 | 1.919.000 | 5.757.000 | 8 | 460.560 | 2023-2026 |
| 462 | Phốt piston tăng xích 6V-8142 167-2323 | Cái | 2 | 1.489.000 | 2.978.000 | 8 | 238.240 | 2023-2026 |
| 463 | Kim phun động cơ 387-9434 | Cái | 6 | 39.572.000 | 237.432.000 | 8 | 18.994.560 | 2023-2026 |
| 464 | Cảm biến nhiệt độ nước làm mát 256-6453 | Cái | 2 | 2.260.000 | 4.520.000 | 8 | 361.600 | 2023-2026 |
| 465 | Bánh răng giảm tốc cạnh Z18 7G-5783 | Cái | 6 | 16.179.000 | 97.074.000 | 8 | 7.765.920 | 2023-2026 |
| 466 | Phanh van định áp van số 1H-4142 | Cái | 6 | 19.000 | 114.000 | 8 | 9.120 | 2023-2026 |
| 467 | Vành răng giảm tốc cạnh Z63(răng trong) 7G-5833 | Cái | 1 | 139.321.000 | 139.321.000 | 8 | 11.145.680 | 2023-2026 |
| 468 | Xéc măng dầu 265-1113 | Cái | 6 | 1.728.000 | 10.368.000 | 8 | 829.440 | 2023-2026 |
| 469 | Xéc măng hơi 197-9257 | Cái | 6 | 1.728.000 | 10.368.000 | 8 | 829.440 | 2023-2026 |
| 470 | Xéc măng lửa 238-2717 | Cái | 6 | 1.728.000 | 10.368.000 | 8 | 829.440 | 2023-2026 |
| 471 | Xy lanh 469-5315 | Quả | 6 | 8.790.000 | 52.740.000 | 8 | 4.219.200 | 2023-2026 |
| 472 | Piston 322-0329 | Quả | 6 | 14.484.000 | 86.904.000 | 8 | 6.952.320 | 2023-2026 |
| 473 | Ắc piston 197-9327 | Cái | 6 | 2.874.000 | 17.244.000 | 8 | 1.379.520 | 2023-2026 |
| 474 | CE hút 592-9280 | Cái | 12 | 1.735.000 | 20.820.000 | 8 | 1.665.600 | 2023-2026 |

| | | | | | | | | |
|-----|--------------------------------------|-----|----|-------------|-------------|---|------------|-----------|
| 475 | CE xả 550-2998 | Cái | 12 | 1.674.000 | 20.088.000 | 8 | 1.607.040 | 2023-2026 |
| 476 | Xu páp hút 252-7802 | Cái | 12 | 3.997.000 | 47.964.000 | 8 | 3.837.120 | 2023-2026 |
| 477 | Xu páp xả 248-1467 | Cái | 12 | 2.949.000 | 35.388.000 | 8 | 2.831.040 | 2023-2026 |
| 478 | Dẫn hướng xu páp 564-8809 | Cái | 24 | 703.000 | 16.872.000 | 8 | 1.349.760 | 2023-2026 |
| 479 | Bơm dầu động cơ 233-5220 | Cái | 1 | 69.121.000 | 69.121.000 | 8 | 5.529.680 | 2023-2026 |
| 480 | Kim phun tái chế 10R-3262 | Cái | 6 | 39.519.000 | 237.114.000 | 8 | 18.969.120 | 2023-2026 |
| 481 | Đệm lò xo xu páp 7E-7977 | Cái | 24 | 616.000 | 14.784.000 | 8 | 1.182.720 | 2023-2026 |
| 482 | Gioăng xi lanh 437-1409 | Cái | 6 | 574.000 | 3.444.000 | 8 | 275.520 | 2023-2026 |
| 483 | Gioăng phốt mặt trước 572-2758 | Bộ | 1 | 19.800.000 | 19.800.000 | 8 | 1.584.000 | 2023-2026 |
| 484 | Gioăng phốt giữa 476-6329 | Bộ | 1 | 17.837.000 | 17.837.000 | 8 | 1.426.960 | 2023-2026 |
| 485 | Gioăng phốt kết mát dầu 476-2891 | Bộ | 1 | 13.094.000 | 13.094.000 | 8 | 1.047.520 | 2023-2026 |
| 486 | Gioăng phốt mặt sau 466-8501 | Bộ | 1 | 7.389.000 | 7.389.000 | 8 | 591.120 | 2023-2026 |
| 487 | Gioăng phốt mặt máy 466-9956 | Bộ | 1 | 49.112.000 | 49.112.000 | 8 | 3.928.960 | 2023-2026 |
| 488 | Gioăng bích lai 6V-3349 | Cái | 2 | 1.497.000 | 2.994.000 | 8 | 239.520 | 2023-2026 |
| 489 | Ống cao su 241-6388 | Cái | 1 | 1.159.000 | 1.159.000 | 8 | 92.720 | 2023-2026 |
| 490 | Ống cao su (16cm/ống) 136-1955 | Cái | 1 | 9.000 | 9.000 | 8 | 720 | 2023-2026 |
| 491 | Ống cao su 2 131-6645 | Cái | 2 | 396.000 | 792.000 | 8 | 63.360 | 2023-2026 |
| 492 | Ống cao su 7E-8630 | Cái | 2 | 2.779.000 | 5.558.000 | 8 | 444.640 | 2023-2026 |
| 493 | Ống cao su 192-7704 | Cái | 2 | 6.957.000 | 13.914.000 | 8 | 1.113.120 | 2023-2026 |
| 494 | Ống cao su 2P-7846 | Cái | 2 | 291.000 | 582.000 | 8 | 46.560 | 2023-2026 |
| 495 | Van hằng nhiệt 247-7133 | Cái | 2 | 2.525.000 | 5.050.000 | 8 | 404.000 | 2023-2026 |
| 496 | Bơm nước 352-0205 | Cái | 1 | 49.960.000 | 49.960.000 | 8 | 3.996.800 | 2023-2026 |
| 497 | Tu bô tăng áp tái chế 10R-7297 | Cái | 1 | 129.609.000 | 129.609.000 | 8 | 10.368.720 | 2023-2026 |
| 498 | Bơm dầu Diezel 384-8612 | Cụm | 1 | 14.271.000 | 14.271.000 | 8 | 1.141.680 | 2023-2026 |
| 499 | Gioăng phốt kim phun 248-1394 | Bộ | 3 | 956.000 | 2.868.000 | 8 | 229.440 | 2023-2026 |
| 500 | Gioăng phốt bơm nước 326-8631 | Bộ | 2 | 1.968.000 | 3.936.000 | 8 | 314.880 | 2023-2026 |
| 501 | Gioăng ống lót kim phun 166-2904 | Cái | 12 | 670.000 | 8.040.000 | 8 | 643.200 | 2023-2026 |
| 502 | Gioăng ống lót kim phun 9X-7430 | Cái | 6 | 213.000 | 1.278.000 | 8 | 102.240 | 2023-2026 |
| 503 | Gioăng tròn 117-8801 | Cái | 2 | 981.000 | 1.962.000 | 8 | 156.960 | 2023-2026 |
| 504 | Vòng bi 5P-6727 | Cái | 2 | 2.945.000 | 5.890.000 | 8 | 471.200 | 2023-2026 |
| 505 | Đệm tăng áp 274-6851 | Cái | 2 | 1.067.000 | 2.134.000 | 8 | 170.720 | 2023-2026 |
| 506 | Đệm cổ xả 283-2238 283-2238 595-1862 | Cái | 6 | 1.373.000 | 8.238.000 | 8 | 659.040 | 2023-2026 |

| | | | | | | | | |
|-----|--|------|----|-------------|-------------|----|------------|-----------|
| 507 | Đệm nắp máy 229-5711 | Cái | 1 | 5.845.000 | 5.845.000 | 8 | 467.600 | 2023-2026 |
| 508 | Đệm bu lông nắp máy 212-7728 | Cái | 10 | 356.000 | 3.560.000 | 8 | 284.800 | 2023-2026 |
| 509 | Gioăng phốt cụm van dầu động cơ 238-5084 | Bộ | 2 | 361.000 | 722.000 | 8 | 57.760 | 2023-2026 |
| 510 | Piston van 224-3405 | Cái | 2 | 4.995.000 | 9.990.000 | 8 | 799.200 | 2023-2026 |
| 511 | Cổ van 392-9208 | Cái | 2 | 1.143.000 | 2.286.000 | 8 | 182.880 | 2023-2026 |
| 512 | Bạc cam 187-8969 | Cái | 7 | 1.974.000 | 13.818.000 | 8 | 1.105.440 | 2023-2026 |
| 513 | Bạc biên cos 0 292-0484 | Cặp | 6 | 1.679.000 | 10.074.000 | 8 | 805.920 | 2023-2026 |
| 514 | Bạc balie cos 0 211-0587 | Cặp | 4 | 2.757.000 | 11.028.000 | 8 | 882.240 | 2023-2026 |
| 515 | Bạc balie cos 0 211-0588 | Cặp | 3 | 2.757.000 | 8.271.000 | 8 | 661.680 | 2023-2026 |
| 516 | Cần dọc trục 246-3144 | Cái | 2 | 1.855.000 | 3.710.000 | 8 | 296.800 | 2023-2026 |
| 517 | Phanh hãm piston 197-9326 | Cái | 12 | 184.000 | 2.208.000 | 8 | 176.640 | 2023-2026 |
| 518 | Ống lót kim phun 263-4920 | Cái | 6 | 1.191.000 | 7.146.000 | 10 | 714.600 | 2023-2026 |
| 519 | Gioăng bích lai 6V-3822 | Cái | 2 | 28.000 | 56.000 | 8 | 4.480 | 2023-2026 |
| 520 | Ê cu bắt bu lông cổ xả 3E-8017 | Cái | 12 | 250.000 | 3.000.000 | 8 | 240.000 | 2023-2026 |
| 521 | Bu lông bắt tăng áp 9X-8281 | Cái | 4 | 723.000 | 2.892.000 | 8 | 231.360 | 2023-2026 |
| 522 | Lò xo piston van 7C-3954 | Cái | 2 | 1.456.000 | 2.912.000 | 8 | 232.960 | 2023-2026 |
| 523 | Bộ dây điện động cơ 461-1973 | Bộ | 2 | 38.113.000 | 76.226.000 | 8 | 6.098.080 | 2023-2026 |
| 524 | Mặt máy 108-1887 | Cụm | 2 | 129.425.000 | 258.850.000 | 8 | 20.708.000 | 2023-2026 |
| 525 | Bạc banile 151-2939 151-2939 | Bộ | 7 | 2.086.000 | 14.602.000 | 8 | 1.168.160 | 2023-2026 |
| 526 | Bạc biên 213-3190 213-3190 | Bộ | 6 | 1.553.000 | 9.318.000 | 8 | 745.440 | 2023-2026 |
| 527 | Bi puly tăng đai 6B-1124 6B-1124 | Vòng | 3 | 866.000 | 2.598.000 | 8 | 207.840 | 2023-2026 |
| 528 | Cần dọc trục 246-3150 246-3150 | Cái | 2 | 1.661.000 | 3.322.000 | 8 | 265.760 | 2023-2026 |
| 529 | CE xu páp hút 241-8388 241-8388 | Cái | 14 | 435.000 | 6.090.000 | 8 | 487.200 | 2023-2026 |
| 530 | CE xu páp xả 212-8917 212-8917 | Cái | 14 | 682.000 | 9.548.000 | 8 | 763.840 | 2023-2026 |
| 531 | Dẫn hướng xu páp hút 259-5829 259-5829 | Cái | 12 | 546.000 | 6.552.000 | 8 | 524.160 | 2023-2026 |
| 532 | Dẫn hướng xu páp xả 260-4856 260-4856 | Cái | 12 | 605.000 | 7.260.000 | 8 | 580.800 | 2023-2026 |
| 533 | Piston 385-1657 385-1657 | Cái | 6 | 9.042.000 | 54.252.000 | 8 | 4.340.160 | 2023-2026 |
| 534 | Váy piston 324-7380 324-7380 | Cái | 6 | 2.566.000 | 15.396.000 | 8 | 1.231.680 | 2023-2026 |
| 535 | Vòng đệm 6V-5839 6V-5839 | Cái | 12 | 20.000 | 240.000 | 8 | 19.200 | 2023-2026 |
| 536 | Vòng đệm 9M-1974 9M-1974 | Cái | 4 | 14.000 | 56.000 | 8 | 4.480 | 2023-2026 |
| 537 | Xéc măng dầu 347-2380 347-2380 | Cái | 6 | 1.427.000 | 8.562.000 | 8 | 684.960 | 2023-2026 |
| 538 | Xéc măng khí 347-2381 347-2381 | Cái | 6 | 1.427.000 | 8.562.000 | 8 | 684.960 | 2023-2026 |

| | | | | | | | | |
|-----|---|-----|----|-------------|-------------|----|------------|-----------|
| 539 | Xéc măng làm kín ống xả 6N-1558 6N-1558 | Cái | 2 | 254.000 | 508.000 | 8 | 40.640 | 2023-2026 |
| 540 | Xéc măng lửa 347-2382 347-2382 | Cái | 6 | 1.427.000 | 8.562.000 | 8 | 684.960 | 2023-2026 |
| 541 | Xi lanh 469-5312 469-5312 | Cái | 6 | 6.510.000 | 39.060.000 | 8 | 3.124.800 | 2023-2026 |
| 542 | Xu páp hút 490-1726 490-1726 | Cái | 12 | 1.574.000 | 18.888.000 | 8 | 1.511.040 | 2023-2026 |
| 543 | Xu páp xả 490-1723 490-1723 | Cái | 12 | 1.917.000 | 23.004.000 | 8 | 1.840.320 | 2023-2026 |
| 544 | Mặt máy tái chế 10R-7279 10R-7279 | Cái | 1 | 211.784.000 | 211.784.000 | 8 | 16.942.720 | 2023-2026 |
| 545 | Gioăng chân kết mát 6I-2431 6I-2431 | Cái | 4 | 2.431.000 | 9.724.000 | 8 | 777.920 | 2023-2026 |
| 546 | Cảm biến áp suất dầu 248-2169 248-2169 | Cái | 2 | 8.637.000 | 17.274.000 | 8 | 1.381.920 | 2023-2026 |
| 547 | Bơm chuyển tiếp nhiên liệu 326-1006 326-1006 | Cái | 2 | 14.487.000 | 28.974.000 | 8 | 2.317.920 | 2023-2026 |
| 548 | Bơm dầu động cơ 331-8905 331-8905 | Cụm | 1 | 33.901.000 | 33.901.000 | 8 | 2.712.080 | 2023-2026 |
| 549 | Tăng áp 252-5165 252-5165 | Cụm | 1 | 129.510.000 | 129.510.000 | 8 | 10.360.800 | 2023-2026 |
| 550 | Dây đai động cơ 118-2018 118-2018 | Cái | 3 | 7.557.000 | 22.671.000 | 8 | 1.813.680 | 2023-2026 |
| 551 | Dây đai máy lạnh; máy phát 241-4981 241-4981 | Cái | 2 | 2.362.000 | 4.724.000 | 8 | 377.920 | 2023-2026 |
| 552 | Đệm 8H-9818 8H-9818 | Cái | 2 | 73.000 | 146.000 | 8 | 11.680 | 2023-2026 |
| 553 | Đệm Block đuôi trục cam 0S-0519 0S-0519 | Cái | 2 | 716.000 | 1.432.000 | 10 | 143.200 | 2023-2026 |
| 554 | Đệm bơm nước 222-3901 222-3901 | Cái | 2 | 332.000 | 664.000 | 8 | 53.120 | 2023-2026 |
| 555 | Đệm cổ xả 161-3411 161-3411 | Cái | 6 | 174.000 | 1.044.000 | 8 | 83.520 | 2023-2026 |
| 556 | Đệm dầu kim phun 135-9819 135-9819 | Cái | 2 | 830.000 | 1.660.000 | 8 | 132.800 | 2023-2026 |
| 557 | Đệm đỡ đuôi trục cơ 9Y-0810 9Y-0810 | Cái | 2 | 2.732.000 | 5.464.000 | 10 | 546.400 | 2023-2026 |
| 558 | Đệm giá bắt cốc lọc dầu động cơ 209-7290 209-7290 | Cái | 2 | 822.000 | 1.644.000 | 8 | 131.520 | 2023-2026 |
| 559 | Đệm gioăng kim 149-5240 149-5240 | Cái | 6 | 289.000 | 1.734.000 | 8 | 138.720 | 2023-2026 |
| 560 | Đệm gioăng kim 293-0730 293-0730 | Cái | 6 | 280.000 | 1.680.000 | 8 | 134.400 | 2023-2026 |
| 561 | Đệm kết mát dầu động cơ 209-7293 209-7293 | Cái | 2 | 1.059.000 | 2.118.000 | 8 | 169.440 | 2023-2026 |
| 562 | Đệm kết thủy lực 2S-0795 2S-0795 | Cái | 2 | 271.000 | 542.000 | 8 | 43.360 | 2023-2026 |
| 563 | Đệm mặt trước Block động cơ 209-0762 209-0762 | Cái | 2 | 996.000 | 1.992.000 | 8 | 159.360 | 2023-2026 |
| 564 | Đệm tu bơm 7C-7431 7C-7431 | Cái | 2 | 368.000 | 736.000 | 8 | 58.880 | 2023-2026 |
| 565 | Đệm van hằng nhiệt 191-4457 191-4457 | Cái | 2 | 164.000 | 328.000 | 8 | 26.240 | 2023-2026 |
| 566 | Ê cu bắt gu zông cổ xả 9X-6620 9X-6620 | Cái | 12 | 239.000 | 2.868.000 | 8 | 229.440 | 2023-2026 |
| 567 | Giăng đệm mặt máy 187-1315 187-1315 | Cái | 2 | 3.353.000 | 6.706.000 | 8 | 536.480 | 2023-2026 |
| 568 | Gioăng 1H-5728 1H-5728 | Cái | 2 | 155.000 | 310.000 | 8 | 24.800 | 2023-2026 |
| 569 | Gioăng 2K-8257 2K-8257 | Cái | 2 | 248.000 | 496.000 | 8 | 39.680 | 2023-2026 |

| | | | | | | | | |
|-----|--|-----|----|-----------|-----------|----|---------|-----------|
| 570 | Gioăng bích bộ lai bơm thủy lực 3F-5792 3F-5792 | Cái | 2 | 237.000 | 474.000 | 8 | 37.920 | 2023-2026 |
| 571 | Gioăng bích bộ lai bơm thủy lực 4N-1230 4N-1230 | Cái | 2 | 356.000 | 712.000 | 8 | 56.960 | 2023-2026 |
| 572 | Gioăng block giàn cò 268-3490 268-3490 | Cái | 2 | 3.711.000 | 7.422.000 | 8 | 593.760 | 2023-2026 |
| 573 | Gioăng cò bơm dầu 227-5904 227-5904 | Cái | 2 | 949.000 | 1.898.000 | 8 | 151.840 | 2023-2026 |
| 574 | Gioăng cụm bơm nước 147-0182 147-0182 | Cái | 2 | 111.000 | 222.000 | 8 | 17.760 | 2023-2026 |
| 575 | Gioăng cụm bơm nước 384-9992 384-9992 | Cái | 2 | 132.000 | 264.000 | 8 | 21.120 | 2023-2026 |
| 576 | Gioăng cụm bơm nước 3D-2824 3D-2824 | Cái | 2 | 76.000 | 152.000 | 8 | 12.160 | 2023-2026 |
| 577 | Gioăng đệm các te đáy 190-6114 190-6114 | Cái | 2 | 2.304.000 | 4.608.000 | 8 | 368.640 | 2023-2026 |
| 578 | Gioăng kim phun 109-3207 109-3207 | Cái | 6 | 346.000 | 2.076.000 | 8 | 166.080 | 2023-2026 |
| 579 | Gioăng kim phun 148-2903 148-2903 | Cái | 12 | 520.000 | 6.240.000 | 8 | 499.200 | 2023-2026 |
| 580 | Gioăng nắp máy 285-4106 285-4106 | Cái | 2 | 2.503.000 | 5.006.000 | 8 | 400.480 | 2023-2026 |
| 581 | Gioăng ống bơm dầu động cơ 5P-7530 5P-7530 | Cái | 2 | 308.000 | 616.000 | 8 | 49.280 | 2023-2026 |
| 582 | Gioăng ống bơm dầu động cơ 5P-8068 5P-8068 | Cái | 2 | 721.000 | 1.442.000 | 8 | 115.360 | 2023-2026 |
| 583 | Gioăng ống dầu 214-7568 214-7568 | Cái | 2 | 190.000 | 380.000 | 8 | 30.400 | 2023-2026 |
| 584 | Gioăng ống dầu 228-7090 228-7090 | Cái | 2 | 204.000 | 408.000 | 8 | 32.640 | 2023-2026 |
| 585 | Gioăng ống dầu cao áp 228-7096 228-7096 | Cái | 2 | 425.000 | 850.000 | 8 | 68.000 | 2023-2026 |
| 586 | Gioăng ống dầu tu bô 197-8419 197-8419 | Cái | 2 | 146.000 | 292.000 | 8 | 23.360 | 2023-2026 |
| 587 | Gioăng ống hút bơm dầu động cơ 195-0452 195-0452 | Cái | 2 | 63.000 | 126.000 | 8 | 10.080 | 2023-2026 |
| 588 | Gioăng ống lót kim phun 310-7255 310-7255 | Cái | 6 | 277.000 | 1.662.000 | 8 | 132.960 | 2023-2026 |
| 589 | Gioăng ống lót kim phun 310-7257 310-7257 | Cái | 6 | 429.000 | 2.574.000 | 8 | 205.920 | 2023-2026 |
| 590 | Gioăng trên mặt block máy 4G-4972 4G-4972 | Cái | 2 | 218.000 | 436.000 | 8 | 34.880 | 2023-2026 |
| 591 | Gioăng tròn 061-9455 061-9455 | Cái | 2 | 538.000 | 1.076.000 | 8 | 86.080 | 2023-2026 |
| 592 | Gioăng tròn 117-8765 117-8765 | Cái | 2 | 615.000 | 1.230.000 | 8 | 98.400 | 2023-2026 |
| 593 | Gioăng tròn 130-0229 130-0229 | Cái | 2 | 1.085.000 | 2.170.000 | 8 | 173.600 | 2023-2026 |
| 594 | Gioăng tròn 155-5161 155-5161 | Cái | 2 | 3.189.000 | 6.378.000 | 8 | 510.240 | 2023-2026 |
| 595 | Gioăng tròn 160-0526 160-0526 | Cái | 2 | 260.000 | 520.000 | 8 | 41.600 | 2023-2026 |
| 596 | Gioăng tròn 161-8068 161-8068 | Cái | 6 | 1.169.000 | 7.014.000 | 8 | 561.120 | 2023-2026 |
| 597 | Gioăng tròn 165-4854 165-4854 | Cái | 2 | 386.000 | 772.000 | 8 | 61.760 | 2023-2026 |
| 598 | Gioăng tròn 179-8128 179-8128 | Cái | 2 | 264.000 | 528.000 | 8 | 42.240 | 2023-2026 |
| 599 | Gioăng tròn 193-1736 193-1736 | Cái | 2 | 738.000 | 1.476.000 | 8 | 118.080 | 2023-2026 |
| 600 | Gioăng tròn 1N-5999 1N-5999 | Cái | 2 | 159.000 | 318.000 | 10 | 31.800 | 2023-2026 |

| | | | | | | | | |
|-----|---------------------------------------|-----|----|-----------|-----------|----|---------|-----------|
| 601 | Gioăng tròn 1S-9799 1S-9799 | Cái | 2 | 196.000 | 392.000 | 8 | 31.360 | 2023-2026 |
| 602 | Gioăng tròn 220-8678 220-8678 | Cái | 2 | 22.000 | 44.000 | 8 | 3.520 | 2023-2026 |
| 603 | Gioăng tròn 228-7092 228-7092 | Cái | 2 | 235.000 | 470.000 | 8 | 37.600 | 2023-2026 |
| 604 | Gioăng tròn 291-8148 4K-1388 4K-1388 | Cái | 2 | 81.000 | 162.000 | 8 | 12.960 | 2023-2026 |
| 605 | Gioăng tròn 2D-0598 2D-0598 | Cái | 1 | 94.000 | 94.000 | 8 | 7.520 | 2023-2026 |
| 606 | Gioăng tròn 2M-9780 2M-9780 | Cái | 2 | 61.000 | 122.000 | 8 | 9.760 | 2023-2026 |
| 607 | Gioăng tròn 2S-2251 2S-2251 | Cái | 1 | 314.000 | 314.000 | 8 | 25.120 | 2023-2026 |
| 608 | Gioăng tròn 341-0979 341-0979 | Cái | 2 | 260.000 | 520.000 | 8 | 41.600 | 2023-2026 |
| 609 | Gioăng tròn 358-7876 358-7876 | Cái | 2 | 1.056.000 | 2.112.000 | 10 | 211.200 | 2023-2026 |
| 610 | Gioăng tròn 3E-4297 3E-4297 | Cái | 3 | 39.000 | 117.000 | 8 | 9.360 | 2023-2026 |
| 611 | Gioăng tròn 3J-7354 3J-7354 | Cái | 26 | 54.000 | 1.404.000 | 8 | 112.320 | 2023-2026 |
| 612 | Gioăng tròn 3K-0360 3K-0360 | Cái | 3 | 55.000 | 165.000 | 8 | 13.200 | 2023-2026 |
| 613 | Gioăng tròn 3T-5225 8D-8256 8D-8256 | Cái | 2 | 28.000 | 56.000 | 8 | 4.480 | 2023-2026 |
| 614 | Gioăng tròn 4J-0520 4J-0520 | Cái | 2 | 94.000 | 188.000 | 8 | 15.040 | 2023-2026 |
| 615 | Gioăng tròn 4J-0522 4J-0522 | Cái | 14 | 153.000 | 2.142.000 | 8 | 171.360 | 2023-2026 |
| 616 | Gioăng tròn 4J-5351 4J-5351 | Cái | 5 | 58.000 | 290.000 | 8 | 23.200 | 2023-2026 |
| 617 | Gioăng tròn 4J-5477 4J-5477 | Cái | 15 | 47.000 | 705.000 | 8 | 56.400 | 2023-2026 |
| 618 | Gioăng tròn 4J-7533 4J-7533 | Cái | 4 | 39.000 | 156.000 | 8 | 12.480 | 2023-2026 |
| 619 | Gioăng tròn 4J-8997 4J-8997 | Cái | 12 | 85.000 | 1.020.000 | 8 | 81.600 | 2023-2026 |
| 620 | Gioăng tròn 4T-5072 4T-5072 | Cái | 2 | 243.000 | 486.000 | 8 | 38.880 | 2023-2026 |
| 621 | Gioăng tròn 5H-3252 5H-3252 | Cái | 2 | 246.000 | 492.000 | 8 | 39.360 | 2023-2026 |
| 622 | Gioăng tròn 5K-0227 5K-0227 | Cái | 4 | 78.000 | 312.000 | 8 | 24.960 | 2023-2026 |
| 623 | Gioăng tròn 5M-2057 5M-2057 | Cái | 7 | 81.000 | 567.000 | 8 | 45.360 | 2023-2026 |
| 624 | Gioăng tròn 6F-4718 6F-4718 | Cái | 2 | 257.000 | 514.000 | 8 | 41.120 | 2023-2026 |
| 625 | Gioăng tròn 6F-6673 6F-6673 | Cái | 3 | 90.000 | 270.000 | 8 | 21.600 | 2023-2026 |
| 626 | Gioăng tròn 6H-3977 6H-3977 | Cái | 2 | 174.000 | 348.000 | 8 | 27.840 | 2023-2026 |
| 627 | Gioăng tròn 6V-3918 6V-3918 | Cái | 2 | 26.000 | 52.000 | 8 | 4.160 | 2023-2026 |
| 628 | Gioăng tròn 6V-5555 6V-5555 | Cái | 12 | 59.000 | 708.000 | 8 | 56.640 | 2023-2026 |
| 629 | Gioăng tròn 6V-5556 6V-5556 | Cái | 2 | 69.000 | 138.000 | 8 | 11.040 | 2023-2026 |
| 630 | Gioăng tròn 6V-6580 6V-6580 | Cái | 2 | 51.000 | 102.000 | 8 | 8.160 | 2023-2026 |
| 631 | Gioăng tròn 7J-0204 7J-0204 | Cái | 4 | 39.000 | 156.000 | 8 | 12.480 | 2023-2026 |
| 632 | Gioăng tròn 7J-9933 361-3549 361-3549 | Cái | 6 | 67.000 | 402.000 | 8 | 32.160 | 2023-2026 |

| | | | | | | | | |
|-----|---|-----|----|------------|--------------------------|----------------------|-----------|-----------|
| 633 | Gioăng tròn 7M-8485 7M-8485 | Cái | 5 | 83.000 | 415.000 | 8 | 33.200 | 2023-2026 |
| 634 | Gioăng tròn 8C-3082 117-8804 117-8804 | Cái | 2 | 215.000 | 430.000 | 8 | 34.400 | 2023-2026 |
| 635 | Gioăng tròn 8F-3469 8F-3469 | Cái | 2 | 55.000 | 110.000 | 8 | 8.800 | 2023-2026 |
| 636 | Gioăng tròn 8M-0506 8M-0506 | Cái | 2 | 249.000 | 498.000 | 10 | 49.800 | 2023-2026 |
| 637 | Gioăng tròn 8M-4986 8M-4986 | Cái | 4 | 233.000 | 932.000 | 8 | 74.560 | 2023-2026 |
| 638 | Gioăng tròn 8M-4987 8M-4987 | Cái | 4 | 182.000 | 728.000 | 8 | 58.240 | 2023-2026 |
| 639 | Gioăng tròn 8M-4988 8M-4988 | Cái | 2 | 153.000 | 306.000 | 8 | 24.480 | 2023-2026 |
| 640 | Gioăng tròn 8M-5249 8M-5249 | Cái | 2 | 191.000 | 382.000 | 8 | 30.560 | 2023-2026 |
| 641 | Gioăng tròn 8T-7568 8T-7568 | Cái | 2 | 323.000 | 646.000 | 8 | 51.680 | 2023-2026 |
| 642 | Gioăng tròn 8T-9529 310-7258 310-7258 | Cái | 2 | 246.000 | 492.000 | 8 | 39.360 | 2023-2026 |
| 643 | Gioăng xi lanh 167-0024 167-0024 | Cái | 6 | 550.000 | 3.300.000 | 8 | 264.000 | 2023-2026 |
| 644 | Gu zông bắt tu bò 8T-7044 418-6781 418-6781 | Cái | 4 | 991.000 | 3.964.000 | 8 | 317.120 | 2023-2026 |
| 645 | Gu zông cò xà 116-3715 116-3715 | Cái | 12 | 557.000 | 6.684.000 | 8 | 534.720 | 2023-2026 |
| 646 | Móng hãm xu páp hút 1W-2715 1W-2715 | Cái | 24 | 44.000 | 1.056.000 | 8 | 84.480 | 2023-2026 |
| 647 | Ổng lót kim phun 227-1200 227-1200 | Cái | 6 | 1.046.000 | 6.276.000 | 10 | 627.600 | 2023-2026 |
| 648 | Phốt 095-1574 095-1574 | Cái | 2 | 39.000 | 78.000 | 8 | 6.240 | 2023-2026 |
| 649 | Phốt 111-4919 111-4919 | Cái | 2 | 1.768.000 | 3.536.000 | 8 | 282.880 | 2023-2026 |
| 650 | Phốt 136-2216 136-2216 | Cái | 2 | 2.152.000 | 4.304.000 | 8 | 344.320 | 2023-2026 |
| 651 | Phốt 161-6161 161-6161 | Cái | 2 | 193.000 | 386.000 | 8 | 30.880 | 2023-2026 |
| 652 | Phốt 509-6495 509-6495 | Cái | 2 | 1.625.000 | 3.250.000 | 8 | 260.000 | 2023-2026 |
| 653 | Phốt chắn bụi trục cơ (trước) 4R-9999 4R-9999 | Cái | 2 | 615.000 | 1.230.000 | 8 | 98.400 | 2023-2026 |
| 654 | Phốt chắn mỡ puly tăng đai 5M-9735 5M-9735 | Cái | 2 | 350.000 | 700.000 | 8 | 56.000 | 2023-2026 |
| 655 | Phốt đầu trục các đăng lai bơm thủy lực 128-3813 128-3813 | Cái | 2 | 751.000 | 1.502.000 | 8 | 120.160 | 2023-2026 |
| 656 | Phốt đầu trục cơ 245-7339 245-7339 | Cái | 2 | 1.012.000 | 2.024.000 | 8 | 161.920 | 2023-2026 |
| 657 | Phốt đuôi trục cơ (285-4074) 528-5684 528-5684 | Cái | 2 | 3.165.000 | 6.330.000 | 8 | 506.400 | 2023-2026 |
| 658 | Phốt ghít xu páp hút 241-8390 241-8390 | Cái | 12 | 118.000 | 1.416.000 | 8 | 113.280 | 2023-2026 |
| 659 | Phốt ghít xu páp xà 163-2478 163-2478 | Cái | 12 | 128.000 | 1.536.000 | 8 | 122.880 | 2023-2026 |
| 660 | Cụm tăng chỉnh 347-7963 | Cái | 3 | 11.688.000 | 35.064.000 | 8 | 2.805.120 | |
| 661 | Bu ly rãnh 279-2589 | Cái | 4 | 5.905.000 | 23.620.000 | 8 | 1.889.600 | |
| 662 | Bu ly trơn 333-1207 | Cái | 4 | 7.419.000 | 29.676.000 | 8 | 2.374.080 | |
| | | | | | Giá trị trước Thuế(VND): | 7.777.315.000 | | |
| | | | | | Thuế VAT (VND): | 623.036.640 | | |
| | | | | | Tổng cộng (VND): | 8.400.351.640 | | |

Phụ lục

BẢNG KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(Kèm theo Quyết định số ~~285~~ **285**/QĐ-CTCP397 ngày ~~30~~ **30**.tháng.12.năm 2025 của Công ty cổ phần 397)

| STT | Tên chủ đầu tư | Tên gói thầu | | Giá gói thầu | Nguồn vốn | Hình thức lựa chọn nhà thầu | Phương thức lựa chọn nhà thầu | Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu | Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu | Loại hợp đồng | Thời gian thực hiện gói thầu | Tuỳ chọn mua thêm | Giám sát hoạt động đấu thầu |
|-----|---------------------|--|--|--------------------|--|-----------------------------|-------------------------------|-------------------------------------|---|----------------------|------------------------------|-------------------|-----------------------------|
| | | Tên gói thầu | Tóm tắt nội dung công việc | | | | | | | | | | |
| 1 | Công ty cổ phần 397 | Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng SCTX thiết bị Caterpillar (CAT) phục vụ sản xuất 6 tháng đầu năm 2026 (GT06) | Mua vật tư, phụ tùng SCTX thiết bị Caterpillar (CAT) phục vụ sản xuất 6 tháng đầu năm 2026 | 8.400.351.640 đồng | Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty cổ phần 397 | Chào hàng cạnh tranh | Một giai đoạn, một túi hồ sơ | 30 ngày | Tháng 01 năm 2026 | Theo đơn giá cố định | 159 ngày | Không | Không |

Bảng chữ: Tám tỷ, bốn trăm triệu, ba trăm năm mươi một nghìn, sáu trăm năm mươi một đồng./.